

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU





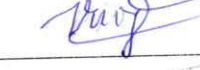



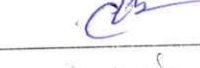

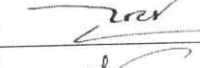
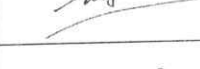
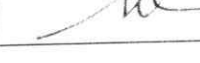
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

BÌNH ĐỊNH – NĂM 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thanh	Nhân	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Tôn Việt	Ưu	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Công	Nhã	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Nguyễn	Triết	TT Tổ Hóa-Sinh-CN	Thư ký HĐ	
5	Trương Văn	Vương	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên HĐ	
6	Tôn Anh	Khương	Bí thư Đoàn TN	Thành viên HĐ	
7	Đình Công	Thi	TT Tổ Toán	Thành viên HĐ	
8	Võ Thị	Phượng	TT Tổ Ngữ văn	Thành viên HĐ	
9	Lê Thị Thu	Thủy	TT Tổ Tiếng Anh	Thành viên HĐ	
10	Nguyễn Văn	Minh	TT Tổ Lý-Tin-CN	Thành viên HĐ	
11	Trần Đình	Toàn	TT Tổ Sử-Địa-GDCD	Thành viên HĐ	
12	Phùng Minh	Hào	TT Tổ TD-QP	Thành viên HĐ	
13	Nguyễn Thị Phương Chi		TT Tổ Văn phòng	Thành viên HĐ	

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	6
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	7
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	25
Tiêu chí 1.5: Lớp học	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	38
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	40

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	42
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	47
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	48
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính-quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	51
Tiêu chí 3.6: Thư viện	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	54
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	55
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	59
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	59
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	61
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	62
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	63
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	64
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	68
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	69

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.	69
Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.	69
Tiêu chí 3: Có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.	70
Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.	70
Tiêu chí 5: Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường	71
Tiêu chí 6: Kết quả giáo dục, các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện tương đồng.	71
Kết luận	72
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	73

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chuỗi ký tự viết tắt	Cụm từ viết đầy đủ
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
3	CLPTGD	Chiến lược phát triển giáo dục
4	CMHS	Cha mẹ học sinh
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CSTĐ	Chiến sỹ thi đua
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
9	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
10	HĐKL	Hội đồng kỷ luật
11	HĐSP	Hội đồng sư phạm
12	HĐT	Hội đồng trường
13	HĐTĐKT	Hội đồng Thi đua khen thưởng
14	HNDN	Hướng nghiệp-dạy nghề
15	HT	Hiệu trưởng
16	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
17	PCGD	Phổ cập giáo dục
18	PHT	Phó hiệu trưởng
19	PHHS	Phụ huynh học sinh
20	PPDH	Phương pháp dạy học
21	TĐG	Tự đánh giá
22	TĐKT	Thi đua khen thưởng
23	THPT	Trung học phổ thông
24	THTT-HSTC	Trường học thân thiện-Học sinh tích cực

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2	X	X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X



Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6	X	X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		
Tiêu chí 6	X		

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU**

Tên trước đây (nếu có): TRƯỜNG PTTH NGUYỄN DU

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Bình Định	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thanh Nhân
Huyện/quận/thị xã/ thành phố	Hoài Nhơn	Điện thoại	0905502005
Xã/phường/thị trấn	Hoài Hương	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	2019	Website	http://thptnguyendu.edu.vn
Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập)	1999	Số điểm trường	01
Công lập	Công lập	Loại hình khác	0
Tư thục	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 10	13	12	12	14	12
Khối lớp 11	12	12	12	12	14
Khối lớp 12	12	12	12	12	12
Cộng	35	36	36	38	38

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	41	41	41	41	41	
1	Phòng học	32	32	32	32	32	
a	Phòng kiên cố	32	32	32	32	32	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	4	4	7	7	7	
a	Phòng kiên cố	4	4	7	7	7	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phòng phục vụ học tập	5	5	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	5	5	8	8	8	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	1	1	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	9	9	9	9	9	
	Cộng	60	60	60	60	60	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01					01	
Phó hiệu trưởng	02					02	
Giáo viên	68	39			47	21	
Nhân viên	05	05			04	01	
Cộng	76	44			51	25	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	56	57	63	60	60
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,6	1,58	1,75	1,58	1,58
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.037	0.036	0.038	0.035	0.036

4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	07	0
---	--	---	---	---	----	---

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1505	1569	1629	1720	1679	
	- Nữ	829	851	875	917	908	
	- Dân tộc	02	02	03	01	0	
	- Khối lớp 10	545	542	555	624	518	
	- Khối lớp 11	494	535	541	556	614	
	- Khối lớp 12	466	492	533	540	547	
2	Tổng số tuyển mới	564	550	567	631	531	
3	Bình quân số học sinh/lớp học	43.00	43.58	45.25	45.26	44.18	
5	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	294	297	291	328	292	
	- Dân tộc	02	0	01	0	0	
6	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	10	12	13	07	04	
7	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
8	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	376	332	452	301	215	
	- Nữ	238	185	166	162	106	
	- Dân tộc	0	0	0	0	2	

9	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	7	4	6	5	2	
10	Tổng số học sinh hoàn thành chương trình cấp học/tốt nghiệp	460/468	491/492	530/532	540/540	546/547	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	303 20,13%	622 39,64%	651 39,96%	495 28,78%	550 32,76%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	749 49,77%	791 50,41%	754 46,29%	827 48,08%	821 48,90%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	453 30,10%	155 9,88%	224 13,75%	388 22,56%	307 18,28%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	0	01 0,06%	0	10 0,58%	01 0,06%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	1272 84,52%	1393 88,78%	1486 91,22%	1500 87,21%	1403 83,56%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	226 15,02%	166 10,58%	131 8,04%	195 11,34%	262 15,60%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	07 0,46%	10 0,64%	12 0,74%	25 1,45%	14 0,84%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0	0	0	0	0	

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Giới thiệu khái quát về trường

Trường THPT Nguyễn Du được thành lập vào ngày 18 tháng 8 năm 1999 theo Quyết định số 110/1999/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định. Địa chỉ số 185 đường Bà Triệu, khu phố Thiện Đức, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Với vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, cách xa với khu thương mại và công nghiệp, nhà trường có đủ điều kiện để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Qua quá trình 25 năm phấn đấu và xây dựng, Trường THPT Nguyễn Du đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Được sự quan tâm của chính quyền địa phương, của các cấp quản lý giáo dục, trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp trồng người, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận:

- Được UBND tỉnh tặng Bằng khen “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018*” và nhiều bằng khen, giấy khen khác.

- Được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen liên tục 03 năm học (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023 “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”).

Trường THPT Nguyễn Du trong suốt 25 năm qua đã không ngừng phát triển cả về cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục; đội ngũ ngày càng ổn định đủ biên chế theo định mức quy định và theo từng môn học; cơ sở vật chất được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, phòng học bộ môn, các phòng học, trang thiết bị phục vụ dạy và học tương đối đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong tình hình hiện tại. Diện tích khuôn viên nhà trường: 26.136 m², bình quân 15,57 m²/học sinh, có tường rào công nghệ kiên cố; 05 dãy phòng nhà cấp 3A, bao gồm:

Khối phòng hành chính quản trị gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Văn phòng, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Đảng, đoàn thể, 01 phòng bảo vệ, 02 khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên, 02 khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Khối phòng học: có 32 phòng học; trường có 38 lớp học chia thành 02 ca, buổi sáng khối 11, khối 12 có 26 lớp bố trí học từ phòng 09 đến phòng 34; buổi chiều khối 10 có 12 lớp, bố trí học từ phòng 06 đến phòng 22.

Khối phòng học bộ môn gồm 01 phòng học bộ môn Công nghệ, 02 phòng học bộ môn Tin học, 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học bộ

môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 02 phòng Khoa học xã hội, 01 phòng học bộ môn Âm nhạc, 01 phòng học bộ môn Mỹ thuật.

Khối phòng hỗ trợ học tập gồm 01 phòng Thư viện và 01 phòng đọc học sinh. Thư viện đạt chuẩn Thư viện Mức độ 2 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT, 01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, 01 phòng truyền thống, 01 Đoàn thanh niên.

Khối phụ trợ: 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; 07 phòng tổ chuyên môn; 01 phòng Y tế trường học; 02 nhà kho; 04 khu để xe học sinh; 03 khu vệ sinh dành cho nam - nữ học sinh; 03 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng giáo viên, Công, hàng rào đảm bảo an toàn; 01 sân chơi chung; 01 sân thể dục thể thao.

Nhà trường có đủ các tổ chức theo quy định: Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng. Các tổ chức, đoàn thể ngày càng được củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả.

Công tác chuyên môn luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Hằng năm nhà trường đầu tư bổ sung nhiều thiết bị đáp ứng tốt công việc dạy và học và có nhiều biện pháp nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng kỷ cương, nề nếp trong dạy và học; đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá; thường xuyên thao giảng, dự giờ, xem đây là một trong những biện pháp tốt để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ rèn luyện tay nghề cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, sinh hoạt chuyên môn do cấp trên tổ chức; tham gia đầy đủ các hội thi do Sở GD&ĐT tổ chức.

Mặt khác, công tác chủ nhiệm, công tác quản lý học sinh, hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm, tư vấn hướng nghiệp được tổ chức thường xuyên theo chủ điểm, đảm bảo nội dung chương trình và đã thu được một số kết quả đáng kể góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, nâng cao tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng hằng năm; 100% học sinh lớp 11 được học nghề phổ thông. Các hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục môi trường, giáo dục kỹ năng sống, phòng chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội, phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước... thường xuyên được coi trọng, lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, tích hợp trong các môn học đồng thời gắn với các nội dung của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị tiếp tục “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Đổi

mới, sáng tạo trong quản lý và dạy học”. Ngoài ra, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và có kết quả khá tốt.

Năm học 2023-2024 trường có 38 lớp với tổng số 1679 học sinh, trong đó khối 10 có 12 lớp (518 HS), khối 11 có 14 lớp (614 HS), khối 12 có 12 lớp (547 HS). Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên chính thức là 79, trong đó có 03 cán bộ quản lý (01 HT, 02 P.HT), 68 giáo viên, 05 nhân viên và 03 người lao động; giáo viên hợp đồng dạy tiết là 14 giáo viên. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sỹ: 23, Đại học: 49, Cao đẳng: 02, Trung cấp: 02. Trình độ trung cấp lý luận chính trị: 06. Chi bộ trường với tổng số đảng viên 44/19 nữ, giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng trường phổ thông là quá trình nhà trường tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn của từng cấp học do Bộ GD&ĐT ban hành nhằm mô tả hiện tượng, phân tích, đánh giá để chứng minh nhà trường đạt hay không đạt. Trên cơ sở đó, nhà trường chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch cải tiến, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tự đánh giá là một quá trình liên tục cần nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của nhiều cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Những giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá phải dựa trên các minh chứng cụ thể rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường phổ thông.

3. Khái quát về quá trình tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập gồm có 13 thành viên. Thành viên Hội đồng bao gồm: lãnh đạo, đại diện các tổ chức đoàn thể, các tổ trưởng chuyên môn, giáo viên có uy tín. Chủ tịch hội đồng thành lập các nhóm công tác để thực hiện đánh giá theo từng nội dung. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Nhiệm vụ của Hội đồng: phổ biến, triển khai công tác tự đánh giá, quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, các cá nhân trong nhà trường phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; Rà soát các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đối chiếu, so sánh kết quả đạt được với các tiêu chuẩn đánh giá của Bộ GDĐT ban

hành, đánh giá mức độ đạt được của nhà trường theo từng chỉ báo của mỗi tiêu chí đánh giá, viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục của nhà trường, bao gồm: Thông tin chung về trường, kết quả điều tra thực trạng và các vấn đề khác hỗ trợ cho việc duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Trong quá trình làm việc, Hội đồng tự đánh giá đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học để xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học.

Trường THPT Nguyễn Du tiến hành tự đánh giá theo quy trình:

- Hiệu trưởng nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan.
- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá, thời gian biểu và xác định nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá.
 - Xây dựng kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá tại đơn vị của nhà trường.
 - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
 - Phổ biến chủ trương, triển khai kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường để mọi thành viên của nhà trường đều nắm bắt được chủ trương và góp phần công việc của mình cho Hội đồng tự đánh giá.
 - Thu thập thông tin, minh chứng.
 - Thẩm định, xác minh thông tin.
 - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.
 - Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá.
 - Các cá nhân, nhóm chuyên trách hoàn thiện các phiếu đánh giá theo mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo. Các bộ phận chức năng tiếp tục kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong đề cương báo cáo tự đánh giá.
 - Tổng hợp các phiếu đánh giá, viết báo cáo tự đánh giá.
 - Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá.
 - Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường để thu thập các ý kiến đóng góp.
 - Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
 - Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trên trang Website của trường.
 - Nộp báo cáo tự đánh giá về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế trên tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội hàm của các tiêu chí, thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan.

Trong báo cáo tự đánh giá, mỗi tiêu chí đều được mô tả từng mức rõ ràng, cụ thể, chính xác, trung thực và khách quan về hiện trạng của nhà trường, có hồ sơ minh chứng được mã hóa kèm theo, đồng thời thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường mà đánh giá được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí và đặc biệt là có kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu. Đây là điểm khởi đầu quan trọng làm nền tảng vững chắc để nhà trường tiếp tục đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn trong thời gian đến.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường được thành lập từ năm 1999 đến nay với bộ máy hoạt động được xây dựng khoa học, có đủ bộ máy tổ chức và quản lý theo quy định của Điều lệ trường Trung học. Chi bộ và nhà trường chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường và những quy định về quản lý tài chính, tài sản.

Lãnh đạo nhà trường là những người nhiệt tình, năng nổ, có trách nhiệm và có kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành. Các tổ chuyên môn và văn phòng được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp; các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng, góp phần quan trọng cho công tác tổ chức, quản lý nhà trường.

Hiểu rõ sứ mệnh lịch sử và những nhiệm vụ mà nhà trường cần phải đạt được trong quá trình giáo dục và đào tạo, Trường THPT Nguyễn Du đã tiến hành xây dựng “Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2019-2023 và tầm nhìn đến năm 2030”

và “Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường THPT Nguyễn Du đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã được Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt và đăng lên website của nhà trường.

Tính đến nay, hầu hết các chỉ số thực hiện theo “Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2019 -2023 và tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó đặc biệt là các chỉ số về số lượng, chất lượng, quy mô phát triển, cơ cấu tổ chức, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất đều đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường được UBND tỉnh công nhận là trường THPT đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 lần thứ nhất năm 2019 theo Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; được Giám đốc Sở GD&ĐT công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 1419/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2019. Từ khi được công nhận trường chuẩn Quốc gia nhà trường đã từng bước tự khẳng định mình, chất lượng giáo dục và các hoạt động giáo dục đào tạo khác được nâng cao rõ rệt, thể hiện đầy đủ những mục tiêu và nội dung trong “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn đến năm 2030”, “Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường THPT Nguyễn Du đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã nêu rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được và những cơ hội thách thức cũng như mục tiêu phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2019 đến năm 2030 phù hợp với phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và thực tế của nhà trường, đó là đào tạo học sinh có đức, có tài, có kiến thức cơ bản để vận dụng kiến thức vào cuộc sống tương lai, vào lao động phù hợp với ngành nghề và dịch vụ ở địa phương đang phát triển.

Kế hoạch CLPTGD nhà trường 2019-2023 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của lãnh đạo trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược của trường THPT Nguyễn Du là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của nhà trường trong từng giai đoạn. **[H1-1.1-01]**.

b) Kế hoạch CLPTGD được xác định rõ ràng bằng văn bản giai đoạn 2019-2023, tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 và Kế hoạch CLPTGD Trường THPT Nguyễn Du đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Sở GD&ĐT phê duyệt **[H1-1.1-02]**. Nội dung CLPTGD xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định theo Điều 2, Luật Giáo dục (2019): Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

c) CLPTGD của nhà trường được xây dựng theo tinh thần của Hội nghị liên tịch, trên cơ sở chuẩn bị của Lãnh đạo và được thông qua thảo luận góp ý của toàn HĐSP nhà trường. Chiến lược phát triển được đăng tải trên trang Website của trường, niêm yết tại phòng hội đồng, được HĐSP theo dõi và góp ý về chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường **[H1-1.1-03]**.

Mức 2

CLPTGD được Hội đồng trường (HĐT), Ban kiểm tra nội bộ cũng như toàn thể các thành viên trong nhà trường, các cấp của địa phương, ngành cấp trên luôn giám sát và góp ý để thực hiện có hiệu quả cao. Nhà trường có các văn bản của các cấp có thẩm quyền, hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường **[H1-1.1-04]**.

Mức 3

Hàng năm CLPTGD được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế xã hội và sự phát triển của nhà trường như: biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trong xu thế phát triển và hội nhập, định hướng để giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, có biện pháp nâng cao chất lượng học sinh, thi đỗ vào trường đại học, cao đẳng, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo. Nội dung bổ sung được tất cả thành viên trong hội đồng giáo dục tham gia và nhất là có sự chia sẻ của cán bộ, giáo viên đã nghỉ công tác, các bậc phụ huynh tâm đắc với sự nghiệp giáo dục của trường góp ý. Nhà trường có các biên bản làm việc với Ban đại diện CMHS, HĐT về các nội dung bổ sung liên quan **[H1-1.1-05]**.

2. Điểm mạnh

Nội dung chiến lược phát triển của Trường THPT Nguyễn Du đã phản ánh khá đầy đủ bối cảnh và thực trạng nhà trường, những mặt mạnh, mặt yếu, thời cơ và thách thức cũng như kế hoạch cải tiến chất lượng; chiến lược đi sâu phân tích các mục tiêu chiến lược của đơn vị giai đoạn 2019-2023 và tầm nhìn đến năm 2030 là xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường đầy đủ, đảm bảo cho sự phát triển giáo dục của nhà trường trong giai đoạn mới, nâng cao chất lượng giáo dục hai mặt hạnh kiểm và học tập, mũi nhọn và đại trà; trên cơ sở đó, xây dựng các giải pháp chiến lược, chương trình hành động phù hợp với tình hình đơn vị, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CBGVNV nhà trường, của CMHS nên đã phát huy được trí tuệ của tập thể.

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính khả thi và đã mang tính định hướng rõ rệt cho sự phát triển của nhà trường trong những năm vừa qua; nó sát với thực tế của nhà trường và phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học, đảm bảo được yêu cầu đổi mới của giáo dục và phù hợp với tình hình phát triển xã hội; kinh tế của địa phương, của nhà trường và cập nhật được những yêu cầu mới của nền giáo dục tiên tiến.

3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2023 và định hướng đến năm 2030 đã phổ biến rộng rãi trong nhân dân nhưng một vài phụ huynh chưa nắm chắc được nội dung của chiến lược, chưa có sự quan tâm hỗ trợ cho sự phát triển của nhà trường theo định hướng đã được nêu vì họ nghĩ đây là công việc của nhà trường. Một số kế hoạch dài hạn và kế hoạch phối hợp đôi lúc xây dựng còn bị trùng lặp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các kỳ họp Hội đồng trường và đặc biệt là thông qua các lần họp CMHS, Hiệu trưởng tiếp tục trực tiếp phổ biến chiến lược phát triển của nhà trường để mọi người đóng góp ý kiến và hiểu được định hướng phát triển của nhà trường, từ đó có sự đóng góp hỗ trợ cho nhà trường; tiếp tục định kỳ tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển để rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành; đồng thời bổ sung, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HĐT trường THPT Nguyễn Du nhiệm kì 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 1300/QĐ-SGDĐT ngày 24/6/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT Bình Định về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường. HĐT gồm 13 thành viên đảm bảo đúng số lượng và thành phần theo quy định. Hàng năm, do có thay đổi về nhân sự nên HĐT đã lập tờ trình đề nghị Sở GD&ĐT ra Quyết định bổ sung, kiện toàn thành viên của HĐT theo đúng quy định. **[H1-1.2-01]**.

b) HĐT trường THPT Nguyễn Du thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như ra Quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của nhà trường, của HĐT; thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của Nhà trường **[H1-1.2-02]**. HĐT và các Hội đồng khác trong thời gian qua sinh hoạt theo định kỳ hoặc đột xuất để giám sát, rà soát việc thực hiện các Nghị quyết của trường với các chủ trương của HĐT nhằm đánh giá, điều chỉnh, bổ sung các nội dung và biện pháp thực hiện **[H1-1.2-03]**, **[H1-1.2-04]**. Các sinh hoạt này được tiến hành ở hội đồng và được bàn bạc ở cuộc họp liên tịch, cuộc họp Hội đồng giáo viên hoặc có những cuộc họp đột xuất để xem xét các vấn đề của giáo viên, học sinh khi có tình huống xảy ra, đều kèm biên bản **[H1-1.2-05]**. HĐT đã giám sát việc triển khai thực hiện các quyết nghị của nhà trường; thông qua lãnh đạo, tổ chức đoàn thể của trường với tư cách là thành viên của trường để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quyết nghị của HĐT theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

c) HĐT hoạt động có hiệu quả, mỗi năm họp 2 lần, khi có việc đột xuất hoặc khi có 2/3 thành viên hội đồng yêu cầu. Tại các cuộc họp, các thành viên trong hội đồng cùng nhau thảo luận, phân tích những nguyên nhân, hạn chế của các kết quả đạt được đồng thời cũng đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời hội đồng trường cũng định kì rà soát và đánh giá lại các hoạt động đã thực hiện được, chưa được. Cuối mỗi năm học, HĐTĐKT họp để bình xét danh hiệu thi đua của trường, CBGVNV và học sinh.

Mức 2

Hoạt động của HĐT có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. HĐTĐKT, hội đồng thi giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi, Hội đồng thẩm định sáng kiến, KHKT... được thành lập theo từng năm học và thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả, thể hiện qua việc tổ chức các phong trào thi đua, tổ chức các hội thi và có các báo cáo sơ kết, tổng kết kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nội dung sinh hoạt của

các hội đồng nêu trên góp phần quan trọng trong việc thực hiện CLPTGD của nhà trường và nâng cao hiệu quả giáo dục. [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

HDT và các hội đồng được thành lập hoạt động đều, có hiệu quả, đúng chức năng và góp phần tích cực vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học. Các hội đồng nêu trên có nhiều thành viên dám nói, góp ý kiến rất tích cực để cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phần lớn các thành viên trong các hội đồng đều đăng ký các danh hiệu thi đua, là chiến sĩ thi đua và giáo viên dạy giỏi nhiều năm nên có uy tín trong đồng nghiệp.

3. Điểm yếu

Chất lượng hoạt động của một vài thành viên còn hạn chế một số mặt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục bồi dưỡng để các thành viên của từng Hội đồng phát huy năng lực thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

PHT phụ trách chuyên môn chỉ đạo, tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm về vai trò cũng như trách nhiệm cho các thành viên của từng Hội đồng. Cũng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các thành viên trong Hội đồng để đảm bảo hiệu quả của công việc được giao.

Ban thanh tra nhân dân và Công đoàn thực hiện việc giám sát công tác thi đua khen thưởng và các hoạt động. Định kỳ hàng tháng, nhà trường họp để đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với các nội dung đã đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

Tổ chức Công đoàn nhà trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Công đoàn; qua mỗi kỳ đại hội, đoàn viên công đoàn bầu ra Ban Chấp hành và được Ban Thường vụ Công đoàn ngành chuẩn y [H1-1.3-02]. Ban chấp hành Công đoàn qua nhiều năm có sự thay đổi nhân sự do điều động, thay đổi vị trí công tác nên đều có tờ trình để Ban Thường vụ Công đoàn ngành Quyết định bổ sung, kiện toàn. Tổ chức Công đoàn hoạt động trực thuộc Công đoàn Ngành giáo dục, có 100% CBGVNV là đoàn viên công đoàn.

Tổ chức Đoàn TNCS HCM trực thuộc Thị đoàn Hoài Nhơn. Hằng năm tổ chức Đại hội Đoàn trường, bầu ra Ban Chấp hành cho nhiệm kỳ mới và được Thị đoàn Hoài Nhơn ra quyết định chuẩn y; BCH Đoàn trường có 01 Bí thư và 02 phó bí thư. Hiện nay, Đoàn trường có 38 chi đoàn, 01 chi đoàn giáo viên, [H1-1.3-03].

Nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện cho sự phát triển của nhà trường một cách toàn diện, nhà trường thành lập Hội Khuyến học và được Hội Khuyến học huyện chuẩn y. [H1-1.3-04].

Hội Chữ thập đỏ được thành lập theo từng nhiệm kỳ và được Hội Chữ thập đỏ thị xã Hoài Nhơn ra Quyết định chuẩn y [H1-1.3-05].

Để công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh đạt hiệu quả cao, hằng năm, nhà trường chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm (GVCN) các lớp tổ chức họp bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) của lớp. Sau đó, nhà trường đã mời Trưởng Ban đại diện CMHS các lớp tham dự Đại hội đại biểu CMHS toàn trường để bầu Ban đại diện CMHS trường gồm 13 thành viên. Ban đại diện CMHS trường họp bầu ra các chức danh gồm: Trưởng ban, phó ban, Ủy viên Thường trực. [H1-1.3-06].

b) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động đúng theo quy định.

Hằng năm Chi bộ tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho năm tới, ra Nghị quyết cho hoạt động của nhà trường; hằng tháng Chi bộ sinh hoạt định kỳ từ ngày 1 đến ngày 10. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện theo Điều lệ, sinh hoạt định kỳ hằng tháng có nội dung, chủ đề theo kế hoạch năm học [H3-1.3-07], quy chế phối hợp hoạt động của các tổ chức đoàn thể [H1-1.3-08] tất cả các tổ chức hội đoàn thể thực hiện các nội dung Nghị quyết của chi bộ, tập trung vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác.

Công đoàn đã phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức phân công nhiệm vụ, bổ nhiệm cũng như các hoạt động thi đua trong nhà trường. Công đoàn làm tốt việc giám sát thực hiện Điều lệ, thực hiện tốt chế độ chính sách và cải thiện đời sống của cán bộ, đoàn viên.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hằng năm kết nạp khoảng 120 đoàn viên trở lên và giới thiệu các đoàn viên ưu tú để Chi bộ xem xét, kết nạp và Đảng.

Hội Chữ thập đỏ đã cùng với nhà trường thường xuyên phát động phong trào hiến máu nhân đạo, tổ chức các hoạt động nhân đạo để giúp đỡ học sinh nghèo, khó khăn, bệnh tật, ngoài ra Hội Chữ Thập đỏ còn phối hợp với cơ quan y tế giúp đỡ công tác phòng và chống dịch bệnh theo mùa, phòng chống dịch bệnh COVID-19, chăm lo sức khỏe cho học sinh.

Hội Khuyến học hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và đã vận động sự quyên góp để giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh hiếu học.

Ban đại diện CMHS phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động chung, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; động viên kịp thời đội ngũ CBGVNV thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành, phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” của trường.

c) Mỗi tổ chức có kế hoạch dựa trên Nghị quyết của Chi bộ. Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường như Công đoàn, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học định kỳ tổ chức đại hội hoặc hội nghị hiệp thương và tổ chức sinh hoạt định kỳ để đánh giá rút kinh nghiệm. Hằng năm, các hoạt động nêu trên của chi bộ và các tổ chức khác được các tổ chức

cấp trên như Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh, Thị đoàn, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết hằng năm và khen thưởng.

Mức 2

a) Trường THPT Nguyễn Du có Chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ thị xã Hoài Nhơn. Từ khi thành lập đến nay, Chi bộ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định. Hiện nay, Chi bộ có 44 đảng viên. Tại Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025, đã bầu chi ủy chi bộ gồm: đồng chí Lê Thanh Nhân, Hiệu trưởng- Bí thư Chi bộ, đồng chí Tôn Viết Ưu, Phó Hiệu trưởng- P. Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Công Nhã-Chi ủy viên, đồng chí Đinh Công Thi-Chi ủy viên, đồng chí Trần Đình Toàn-Chi ủy viên [H1-1.3-01]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ được BTV Thị ủy Hoài Nhơn công nhận là chi bộ 05 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ.[H1-1.3-10].

b) Tổ chức Công đoàn liên tục là công đoàn vững mạnh được các cấp khen thưởng. Công đoàn nhà trường luôn là tổ ấm, giúp đỡ tinh thần và vật chất cho đoàn viên. Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn đạt danh hiệu vững mạnh, được đánh giá hoạt động rất hiệu quả trong việc thực hiện hoạt động giáo dục cho đoàn viên, thanh niên [H1-1.3-09]. Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học thực hiện khá tốt việc giúp đỡ học sinh khó khăn về kinh tế được tiếp bước đến trường; kịp thời vận động, động viên học sinh gặp bệnh hiểm nghèo; khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và hoạt động phong trào. Ban đại diện CMHS thực sự là tổ chức năng động bao gồm các phụ huynh thực sự quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đã đóng góp đáng kể cho nhà trường. [H1-1.3-11].

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ luôn được BTV Thị ủy Hoài Nhơn công nhận là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-10]

b) Các đoàn thể, tổ chức khác của nhà trường tích cực đóng góp hiệu quả vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn đã xây dựng được mối đoàn kết nội bộ trong cơ quan, đã động viên giáo viên tích cực tham gia các hội thi, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, quyên góp ủng hộ các quỹ vì người nghèo, thiên tai bão lụt, đền ơn đáp nghĩa, mái ấm công đoàn và giúp đỡ nhau vượt khó để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lí tưởng cho đoàn viên, thanh niên; tổ chức tốt phong trào thi đua nề nếp và học tập; xây dựng mô hình tự quản, cổng trường an toàn giao thông, trường học văn minh, học sinh thân thiện, không ma túy và bạo lực học đường; tổ chức nhiều hoạt động Đoàn rất ý nghĩa và hiệu quả có sức lan tỏa lớn như chăm sóc và thấp nền viếng nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu di tích lịch sử, giúp bạn vượt khó, vui tết cùng bạn... Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học, Ban đại diện CMHS tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, đạt hiệu quả cao vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Thành tích và sự đóng góp của các đoàn thể và tổ chức nhà trường đã được tổ chức cấp trên luôn đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-11]

2. Điểm mạnh

Chi bộ đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, luôn bám sát chủ trương của cấp trên, trực tiếp lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, vai trò của chi bộ được nâng cao trong hệ thống chính trị nhà trường; Chi bộ nhà trường 05 năm liên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn là cầu nối giữa nhà trường với đội ngũ, mọi chủ trương hoạt động của nhà trường đều được công đoàn vận động, giải thích, khích lệ đội ngũ tham gia tích cực, mặt khác các nguyện vọng đề xuất của đoàn viên công đoàn đều được lắng nghe, những vấn đề nào hợp lí luôn được đưa ra liên tịch thảo luận giải quyết, mọi chế độ của đội ngũ được giải

quyết dứt điểm kịp thời. CĐCS nhà trường 05 năm liền đều hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ (có 03 năm được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen).

Đoàn thanh niên là tổ chức gắn kết giữa nhà trường với các em học sinh, mọi chủ trương của nhà trường cũng như các đoàn thể từ cấp trên thông qua sinh hoạt hàng tuần được triển khai đến tận các em và ngược lại, các nguyện vọng của các em thông qua Chi đoàn của lớp được phản ánh đến nhà trường để giải quyết. Đoàn thanh niên thường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các tiết chào cờ, các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp bằng những nội dung sinh hoạt chủ đề, thi tìm hiểu Pháp luật, an toàn giao thông, các cuộc thi kiến thức về môi trường, nói không với các tệ nạn xã hội, nên đã góp phần vào việc giáo dục đạo đức, nhân cách và hình thành kỹ năng sống cho học sinh.

Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo từng thời điểm, nội dung lồng ghép trong các hoạt động ngoài giờ, trong dạy học nhằm giáo dục lòng nhân ái, hỗ trợ cho học sinh khó khăn, chính vì vậy mà trong nhiều năm qua số học sinh bỏ học không đáng kể, nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ, động viên, hỗ trợ thiết thực.

3. Điểm yếu

Tinh thần phê và tự phê của một vài đảng viên chưa cao.

Nghiệp vụ công tác Đảng và công tác Đoàn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Chi bộ; thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc, điều lệ, quy định của Đảng đối với đảng viên; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với đảng viên, đối với chính quyền và các hội đoàn thể.

Đối với Công đoàn thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa công đoàn với chính quyền trong tổ chức các phong thi đua của ngành, phong trào thi đua dạy tốt-học tốt; đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của công đoàn viên, động viên CB-GV-NV tích cực tham gia các phong thi đua, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Đoàn trường làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục lý tưởng cho đoàn viên, thanh niên; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện các mô hình học tập và làm theo Bác; tổ chức các hoạt động xung kích, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện; tổ chức phong trào thi đua học tốt, sáng tạo, nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, hội thi do đoàn cấp trên tổ chức. Hàng năm, Đoàn trường đã giới thiệu những đoàn viên ưu tú lớp 12 để Chi bộ xem xét kết nạp Đảng, phần đầu hàng năm kết nạp đảng từ 03 đoàn viên ưu tú trở lên.

Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Ban đại diện CMHS, Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

THÔNG TƯ

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Số lượng Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo theo quy định và được bổ nhiệm theo đúng quy trình của Sở GDĐT [H1-1.4-01].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hàng năm, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng và căn cứ vào số lượng thành viên của tổ, yêu cầu đặc thù từng bộ môn, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó sau khi các thành viên ở tổ tín nhiệm giới thiệu. [H1-1.4-02].

c) Ngay từ đầu năm học, dựa vào nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục cho cả năm học và từng đợt thi đua với các nội dung cụ thể nhằm bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên bằng các chuyên đề, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong chuyên môn thông qua sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, tổ chức hội thảo, hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi... nhằm vừa phát huy năng lực cá nhân vừa để đồng nghiệp học hỏi, là cơ sở tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm [H1-1.4-03]. Mỗi tổ chuyên môn có nhiều nhóm chuyên môn, sinh hoạt 2 lần trong tháng nhằm thống nhất mục tiêu bài dạy, phương pháp dạy học, yêu cầu nội dung bài kiểm tra, sinh hoạt các chuyên đề, thống nhất về kế hoạch dạy học. [H1-1.4-04]. Tuy nhiên do các tổ chuyên môn được thành lập trên cơ sở nhiều bộ môn học khác nhau cùng sinh hoạt trong một tổ, nên việc triển khai các nội dung chuyên môn ở các bộ môn trong sinh hoạt đôi khi chưa đủ thời gian và nội dung chưa được sâu sắc.

Tổ Văn phòng bao gồm nhân viên có nhiệm vụ khác nhau: văn thư, kế toán, bảo vệ, tạp vụ. Mỗi thành viên có kế hoạch riêng hoạt động theo đặc trưng riêng của mỗi bộ phận đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ, với nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường [H1-1.4-05]. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thường xuyên xuyên báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ, qua đó trao đổi, đóng góp ý kiến cho nhà trường trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường. [H1-1.4-06].

Mức 2

a) Trên cơ sở nhiệm vụ năm học của nhà trường, mỗi tổ chuyên môn đều tiến hành xây dựng hai chuyên đề trong một năm học cụ thể về dạy và học, chuyên đề này được bàn bạc thảo luận, thực hiện trong tổ để rút kinh nghiệm. Các chuyên đề được thể hiện cụ thể trong tiết dạy minh họa và được vận dụng trong quá trình dạy học [H1-1.4-07].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng luôn được rà soát, bổ sung điều chỉnh nội dung cho phù hợp các văn bản chỉ đạo mới, tình hình cụ thể của nhà trường và được Sở GDĐT kiểm tra, đánh giá, nhận xét [H1-1.4-08].

Mức 3

a) Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn của ngành, tập trung vào nhiệm vụ chính chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, xuất phát từ thực tế của đội ngũ và học sinh, cũng như qua việc kiểm tra, đánh giá của các cấp lãnh đạo, cho nên việc bổ sung các biện pháp để nâng cao chất lượng được làm thường xuyên và

đạt được những kết quả đáng kể. [H1-1.4-09], [H1-1.4-10].

b) Các chuyên đề ở tổ chuyên môn được xây dựng từ thực tế của nhà trường, các nội dung, biện pháp, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm của đội ngũ và học sinh nên góp phần làm cho chất lượng giáo dục được tăng lên rõ rệt. [H1-1.4-11]

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo trường có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, tâm huyết đối với sự nghiệp giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục và cơ cấu tổ chức các tổ phù hợp với yêu cầu công tác. Đội ngũ tổ trưởng có trách nhiệm cao, rất nhiệt tình, tiếp cận nhanh với các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá. Các nội dung kế hoạch của năm học được xây dựng sát với đặc thù riêng, đi sâu vào nhiệm vụ chính của tổ. Biên chế tổ, nhóm chuyên môn phù hợp với việc dạy học theo quy định.

Nhân viên tổ văn phòng được sắp xếp vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, làm tốt công tác tham mưu với Hiệu trưởng. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, đóng góp tích cực trong công tác xây dựng và phát triển của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn được thành lập trên cơ sở nhiều bộ môn học khác nhau cùng sinh hoạt trong một tổ nên việc triển khai các nội dung chuyên môn và chất lượng sinh hoạt còn hạn chế. Nhân viên văn phòng kiêm nhiệm nên ảnh hưởng đến công tác văn thư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch năm học, triển khai và có kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên để theo dõi việc tổ chức thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp không quá 40 (bốn mươi) học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có số lượng lớp học là 38 lớp đủ cả 3 khối lớp 12, 11, 10. Mỗi khối có 12 lớp trong mỗi năm học (riêng khối 12 có 14 lớp), có số học sinh dao động từ 1.500 đến 1.720 em. Hàng năm nhà trường tuyển sinh học sinh từ các xã, phường trên địa bàn theo phân chia khu vực tuyển sinh của nhà trường [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp. Bình quân mỗi lớp học khoảng 44,25 em trong mỗi lớp. Lớp học được tổ chức theo quy định, mỗi lớp phân chia thành 4 tổ, học sinh mỗi tổ thường ở địa bàn gần nhau để dễ dàng hỗ trợ với nhau trong học tập. Trong lớp học có 1 lớp trưởng, 3 lớp phó, do học sinh lớp bầu chọn, chịu trách nhiệm về phong trào thi đua của lớp cùng với GVCN. Các tổ học sinh có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó chịu trách nhiệm phong trào của mỗi tổ. [H1-1.5-03]. Mỗi liên hệ phối hợp giữa GVCN với CMHS luôn gần gũi để cùng

chăm lo giáo dục học sinh. GVCN tổng hợp đầy đủ thông tin về lớp [H1-1.5-02]; có sổ chủ nhiệm [H1-1.5-03]; có sổ gọi tên và sổ theo dõi học sinh [H1-1.5-04].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Cán sự lớp luôn được phát huy vai trò điều hành lớp trong mọi hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. GVCN chỉ là người gợi ý, hướng dẫn và kết luận. Trong quá trình sinh hoạt, học tập, học sinh có quyền nêu lên ý kiến nguyện vọng của mình, các đề xuất với lớp, với GVCN, với nhà trường có biên bản họp lớp cụ thể [H1-1.5-05]. Ngoài ra, thông qua thùng thư góp ý, các cá nhân, tập thể phản ánh, đề xuất nguyện vọng, quyền lợi của cá nhân, tập thể lớp về phong trào, về hoạt động trải nghiệm và các vấn đề khác có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người học. [H1-1.5-05].

Mức 2

Năm 2019-2020 trường có 35 lớp đến năm 2020-2021 và 2021-2022 trường có 36 lớp, đến năm học 2022-2023 và 2023-2024 trường có 38 lớp. Theo Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ về hướng dẫn biên chế viên chức giáo dục công lập, trường được xếp hạng 1, với số lớp trên 28 lớp, số học sinh mỗi năm trung bình 44,25 HS/lớp, theo đúng quy định. [H1-1.5-05].

Mức 3

Trong 05 năm trường đảm bảo về số lớp theo quy định. Số học sinh trên lớp đảm bảo quy định bình quân dưới 45 HS/lớp. [H1-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Phát huy được vai trò tự quản lý của học sinh, phát huy năng khiếu lãnh đạo điều hành của lớp, tôn trọng quyền dân chủ, chú trọng các đề xuất chính đáng của học sinh.

3. Điểm yếu

Một số học sinh không tự tin vào khả năng của mình, còn rụt rè, nhút nhát trước tập thể đồng người. Các lớp hoạt động chưa đều, một số lớp tự quản chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo xây dựng tổ chức lớp chặt chẽ, đúng quy định, trong đó cần chú ý phát huy hơn vai trò của Ban cán sự lớp và Ban cán sự bộ môn, nhằm nâng cao nề nếp, chất lượng học tập, hoạt động phong trào của các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định tại khoản 1, điều 21 của Điều lệ trường trung học. Hệ thống hồ sơ sổ sách thực hiện bao gồm: Sổ đăng bộ, Học bạ học sinh, Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật, Sổ ghi đầu bài, Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ, Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ công văn đi, đến, Hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục, thư viện, Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên, Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh, Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh. **[H1-1.6-01], [H1-1.6-02]**.

b) Hàng năm, sau khi nhận phân bổ kinh phí nhà nước cấp, nhà trường lập dự toán để thực hiện thu chi, quyết toán theo đúng chế độ kế toán, căn cứ kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm và nhu cầu của đơn vị cơ sở để xây dựng các nguồn tài chính đáp ứng với phát triển của nhà trường **[H1-1.6-03]**. Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm xây dựng một cách dân chủ, có điều chỉnh bổ sung theo thực tế của nhà trường, có sự thống nhất cao của Hội đồng sư phạm nhà trường. Đồng thời công khai tài chính của năm trước trong Hội nghị viên chức để mọi thành viên trong nhà trường giám sát **[H1-1.6-04]**. Chế độ của CBGVNV được đảm bảo đúng định mức, đúng chế độ, mọi chi tiêu thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ. Việc tiếp nhận, mua sắm tài sản rõ ràng, công khai minh bạch, nhập xuất, thanh lý, hội đồng thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, kiểm kê tài sản hàng năm **[H1-1.6-07]**. Ban thanh tra nhân dân tiến hành thanh tra định kỳ và công khai trong Hội nghị Cán bộ, Viên chức. Hàng năm đều được tiến hành kiểm tra việc sử dụng tài chính, tài sản **[H1-1.6-06]**.

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện nghiêm túc, các nội dung báo cáo công khai tài chính, tài sản hằng năm của nhà trường được thực hiện đảm bảo đúng quy định. Vào đầu mỗi năm học, trong Hội nghị Cán bộ, viên chức và Hội nghị CMHS toàn trường, nhà trường đã công khai tình hình quản lý thu chi các nguồn kinh phí. Định kỳ, HT chỉ đạo tự kiểm tra công tác tài chính để đánh giá tình hình quản lý tài chính của đơn vị. **[H1-1.6-08]**. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ sát với nhu cầu và tình hình thực tế của đơn vị. Bên cạnh đó, việc vận động cơ quan, địa phương và các mạnh thường quân, cá nhân tự nguyện ủng hộ CSVN cho nhà trường, cải tạo cảnh quan sư phạm. Hồ sơ sổ sách kế toán theo dõi thu chi kịp thời, cập nhật, rõ ràng đúng quy định và được lưu trữ cẩn thận **[H1-1.6-08]**. Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng về nguồn thu và mục đích sử dụng trước HĐT, trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và PHHS. **[H1-1.6-08]**.

Mức 2

a) Trong 5 năm qua, qua công tác kiểm tra nội bộ cũng như kiểm tra của Phòng Kế hoạch-Tài chính của Sở GDĐT, qua kiểm tra, quyết toán tài chính hằng năm, không có vi phạm nào thuộc hoạt động hành chính, tài chính, tài sản. **[H1-1.6-05]**.

b) Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý được chú trọng, nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý nhân sự trong lưu trữ hồ sơ của văn thư; các phần mềm như Misa trong quản lý tài chính, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý bảo hiểm xã hội, thực hiện chữ ký số trong giao dịch kho bạc và bảo hiểm... đã tích cực hỗ trợ cho công tác kế toán nhà trường; thư viện được sử dụng phần mềm quản lý số Viet BiBLO. **[H1-1.6-09]**.

Mức 3

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động sự hỗ trợ kinh phí của địa phương, các mạnh thường quân, cựu học sinh trong việc cải tạo, xây dựng cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp; giúp đỡ học sinh nghèo, khó khăn vươn lên trong học tập; công tác khuyến học, khuyến tài. **[H1-1.6-10]**.

2. Điểm mạnh

Nhân viên kế toán có chuyên môn, nghiệp vụ và có tinh thần trách nhiệm với công việc, tham mưu hiệu quả cho Hiệu trưởng trong công tác quản lý tài chính, tài sản. Hệ thống các văn bản liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản được thu thập và lưu trữ đầy đủ; chứng từ được sắp xếp khoa học, hợp lý.

Sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, tiết kiệm, cân đối được thu, chi hàng năm trên cơ sở xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ khá chi tiết và hợp lý; quản lý tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác quyết toán hàng năm theo kế hoạch của Phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở GDĐT và của nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác huy động các nguồn xã hội hóa cho đầu tư nhà trường còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục kiện toàn các hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán đầy đủ và sắp xếp hợp lý, khoa học.

Duy trì chế độ giao ban kế toán và thủ quỹ với HT để kiểm tra công tác tài chính. Chú trọng công tác tổ chức thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng.

Tăng cường vận động công tác xã hội hóa trong việc tu sửa cơ sở vật chất, khuyến học, hỗ trợ học sinh. Xây dựng kế hoạch trung hạn tạo nguồn tài chính cho những năm tới.

Trong những năm học tới, HT nhà trường chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại toàn bộ hệ thống hồ sơ, sổ sách trong nhà trường để đưa vào kho lưu trữ. Xây dựng các hộp thư lưu trữ trên website của trường, tạo các file mã hóa hồ sơ liên kết đến file công văn giúp cho việc lưu trữ, truy tìm và sử dụng được dễ dàng. Nhà trường sẽ sắp xếp lại các phòng làm việc, phòng chức năng.

HT và kế toán phát huy những ưu điểm trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản trong những năm qua. Thực hiện thu chi theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và duy trì nền nếp báo cáo quyết toán, công khai tài chính.

HT xây dựng kế hoạch kiểm tra tài chính và chỉ đạo kế toán thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính định kỳ theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm tra Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc kiểm tra và công khai tài chính của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, HT xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]. CB, GV tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do ngành tổ chức, tổ chức giao lưu với các trường THPT trên đại bàn huyện; tổ

chức các chuyên đề chung cho toàn trường, chuyên đề của các tổ chuyên môn, tổ chức hội giảng, hội thảo cấp trường, tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi, dự giờ, kiểm tra các hoạt động sư phạm của giáo viên. Kế hoạch được HĐSP tham gia bàn bạc góp ý, dân chủ và thống nhất ở Hội nghị Viên chức đầu năm học [H1-1.7-02]. PHT phụ trách chuyên môn đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ một cách cụ thể. Các giáo viên, nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn do ngành tổ chức đầy đủ.

b) Ngay đầu năm học, căn cứ vào vị trí việc làm của VC, NLD tiến hành phân công cụ thể từng thành viên, trong đó HT giữ chức Chủ tịch HĐT phụ trách chung các hoạt động, phụ trách công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức, tài chính-tài sản, công tác hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt cùng với tổ bộ môn Tiếng Anh, tổ Văn phòng. PHT trưởng phụ trách chuyên môn, công tác kiểm tra nội bộ, tham gia sinh hoạt cùng tổ Toán; phụ trách công tác kiểm định, cơ sở vật chất, hướng nghiệp... Các tổ trưởng là người có năng lực, nghiệp vụ, uy tín và khả năng điều hành tổ của mình. Giáo viên được phân công giảng dạy phù hợp với bộ môn đào tạo. Một số giáo viên có năng lực và kinh nghiệm qua giảng dạy đã được lựa chọn để đảm đương công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp. Nhân viên phụ trách thiết bị, thư viện đảm bảo đúng vị trí việc làm, chuyên môn được đào tạo. Nhân viên văn phòng như kế toán, văn thư, y tế, bảo vệ được phân công công việc theo đúng nghiệp vụ. Tất cả các thành viên được phát huy tối đa năng lực của mình, chịu trách nhiệm tham mưu với HT các nội dung do bản thân mình phụ trách.

Từ kế hoạch phân công từng vị trí việc làm, căn cứ vào năng lực chuyên môn đào tạo, vị trí việc làm của từng GV- NV, PHT, các tổ trưởng và trưởng các bộ phận đoàn thể tham mưu đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBGVNV nhà trường để thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.7-04].

c) CBGVNV đảm bảo được hưởng chế độ đúng theo chế độ chính sách của Nhà nước, đảm bảo chế độ làm tăng buổi hoặc ngoài giờ, chế độ thai sản thể hiện qua các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, hồ sơ chế độ chính sách, biên bản sơ kết, tổng kết của Công đoàn [H1-1.7-05].

Mức 2

Nhà trường luôn quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp để phát hiện và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên có năng lực. Tạo điều kiện cho CB-GV-NV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; nêu cao tinh thần tự học; cung cấp trang thiết bị để giáo viên ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phát huy năng lực, tổ chức hội thảo, báo cáo chuyên đề để cán bộ, giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau [H1-1.7-06].

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, mở rộng nguồn giới thiệu và luôn đảm bảo những cán bộ đưa vào quy hoạch đều được trải qua quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, HT đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình công tác dự nguồn cán bộ

quản lý [H1-1.7-07].

Đối với giáo viên: xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, thúc đẩy sự nỗ lực phấn đấu và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo. Việc phân công nhiệm vụ hợp lý, phù hợp với năng lực. Lãnh đạo nhà trường luôn tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn, trên nguyên tắc lấy chất lượng làm đầu để phân công nhiệm vụ từng giáo viên; đảm bảo dân chủ, công bằng trong các nhóm chuyên môn.

Để phát huy năng lực của đội ngũ, HT đã có các biện pháp chỉ đạo: dựa trên nhiệm vụ chung của nhà trường, mỗi CBGVNV và mỗi bộ phận chủ động lên kế hoạch hoạt động của cá nhân, tham mưu với HT để bổ sung và giám sát; phối hợp với các đoàn thể và ban kiểm tra nội bộ để tiến hành thanh kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất; trong đánh giá thi đua lấy hiệu quả công việc và cải tiến hoạt động làm thước đo để đánh giá [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được cụ thể hóa rõ ràng cho mỗi đối tượng, sát với công việc đương nhiệm, công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên để biết hiệu quả công tác.

Việc phân công các thành viên trong nhà trường hợp lý, đúng chuyên môn, công bằng và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ và được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Giáo viên thiếu cục bộ một số bộ môn, dẫn đến việc phân công chuyên môn chưa công bằng ở các bộ môn khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu với ngành để tuyển dụng giáo viên ở các bộ môn còn thiếu, đảm bảo tỉ lệ giáo viên trên lớp theo quy định.

Cải tiến công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đa dạng, phong phú hơn; đặc biệt chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ đối với nhân viên nhà trường.

Nhà trường tiếp tục đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trong các tổ chuyên môn để nâng chất lượng giảng dạy cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ vào chỉ thị, nhiệm vụ năm học của các cấp lãnh đạo, căn cứ vào biên chế năm học, Quyết định khung kế hoạch thời gian triển khai nhiệm vụ năm học của UBND tỉnh; các văn bản chỉ đạo chuyên môn của Sở GDĐT về chương trình giảng dạy năm học; căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cho phù hợp với quy định, với tình hình thực tế địa phương [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được cụ thể hoá trong từng hoạt động giáo dục, được đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của bản thân, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học đề ra [H1-1.8-02].

c) Nhà trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, rà soát thực hiện chương trình năm học được tiến hành hàng tuần, hàng tháng; trên cơ sở kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời về thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập cũng như các hoạt động giáo dục khác [H1-1.4-07]. Căn cứ vào Kế hoạch dạy học, đối chiếu với phân phối chương trình của mỗi bộ môn, các kế hoạch giáo dục khác được thể hiện trong hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên [H1-1.7-03]. Từ đó có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đối với từng môn học để đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục đề ra.

Mức 2

Các hoạt động thực hiện kế hoạch giáo dục được nhà trường chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá qua các cuộc họp cơ quan hàng tháng nhằm rà soát kế hoạch thực hiện. Cuối học kỳ và năm học được sơ kết, tổng kết về thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và được lãnh đạo đánh giá cao [H1-1.8-03].

Trong kế hoạch chỉ đạo các hoạt động của nhà trường, HT luôn quan tâm đến việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm. Trong mỗi năm học, nhà trường tổ chức hội nghị về dạy thêm học thêm. Trong hội nghị, HT nhà trường đã triển khai các văn bản: Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố hết hiệu lực các Điều: 6,8,9,10,11,12,13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm, Quyết định số 3608/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc công bố hết hiệu lực các Điều: 6,8,9,10,11,12,13 và 14 của Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định

về dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Định, đồng thời yêu cầu giáo viên làm cam kết không tổ chức dạy thêm học thêm ngoài nhà trường [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng thực hiện công tác quản lý hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo kế hoạch; quản lý tốt hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường; thực hiện công tác quản lý, tuyển dụng, đề bạt CBGVNV theo đúng quy định của pháp luật.

Việc kiểm tra được đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Do ảnh hưởng của thời tiết bão, lụt, dịch bệnh COVID-19 học sinh phải nghỉ học, nên việc thực hiện chương trình có nhiều khó khăn theo kế hoạch giáo dục đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng kế hoạch cũng như xây dựng các biện pháp hữu hiệu để thực hiện đúng kế hoạch giáo dục của năm học theo quy định. Thực hiện có chất lượng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học, giáo dục khác theo quy định của Bộ GDĐT. Cập nhật và triển khai kịp thời văn bản của các cấp về việc chỉ đạo thực hiện, điều chỉnh kế hoạch chương trình giảng dạy và học tập trong năm học đến tất cả giáo viên.

Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ trưởng chuyên môn trong việc hỗ trợ lãnh đạo nhà trường theo dõi, chỉ đạo cũng như rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;
- b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;
- c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về báo cáo tổng kết, phương hướng nhiệm vụ năm học mới; các chỉ tiêu; quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường

theo Quy chế thực hiện dân chủ theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ tại cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. [H1-1.9-01]. Nội quy hoạt động ở cơ quan, quy định tiếp dân, quy định thực hiện văn hóa công sở, tất cả các văn bản này dưới sự chủ trì của Công đoàn đều được bàn bạc, thảo luận góp ý trong Hội đồng, sau khi thống nhất được thông qua trong Hội nghị Cán bộ, viên chức và được niêm yết tại phòng hội đồng nhà trường [H1-1.2-03]. Ban thanh tra nhân dân nhà trường luôn giám sát chặt chẽ việc thực hiện và nhắc nhở các thành viên trong hội đồng chấp hành nghiêm túc [H1-1.7-05].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; những thắc mắc của cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh được giải quyết thỏa đáng đúng quy định pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp [H1-1.7-05].

c) Hằng năm, có tổng kết việc thực hiện các quy định trong hội đồng, báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-02]; được Công đoàn nhà trường thường xuyên giám sát và báo cáo [H1-1.9-03].

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Trong năm học, trường đều công khai các khoản thu, chi bằng cách niêm yết công khai tài chính tại bản tin trong phòng hội đồng, công khai các hoạt động chuyên môn và những kết quả nhà trường đạt được, công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; báo cáo thực hiện quy chế dân chủ nhà trường [H1-1.9-02]; báo cáo của ban thanh tra nhân dân, báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Các thành viên chấp hành rất tốt nội dung của quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết nhanh, kịp thời các thắc mắc của CBGVNV nên tạo được không khí vui vẻ, thoải mái trong làm việc và tính đoàn kết rất cao trong nhà trường. Phát huy tốt tinh thần dân chủ trong các hoạt động, đội ngũ tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch nhà trường. Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành, hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa nhà trường, các đoàn thể trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết công tác dân chủ cơ sở có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, đôi lúc còn thiếu kiên quyết trong việc góp ý việc thực hiện các quy định chung của cấp trên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy điểm mạnh của nhà trường, tiếp tục củng cố nội dung các quy định của cấp trên lên cao hơn nữa, vận động mọi thành viên tự giác hơn. Tiếp tục phát huy việc xây dựng kế



hoạch phù hợp đúng quy định, thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

Phối hợp với công đoàn tổ chức các chuyên đề liên quan đến việc thực hiện dân chủ cơ sở ở cơ quan.

Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện quy chế dân chủ cơ sở gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiêu cực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ năm học, HT kết hợp với Đoàn trường lên kế hoạch chung cho các hoạt động, trong đó chú trọng các kế hoạch giữ gìn, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường, thực hiện tốt an toàn giao thông, ăn uống hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường, cùng các kế hoạch, phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường [H1-1.10-01]. Nhà trường tổ chức học sinh học tập nội quy, nếp sống văn minh và làm cam kết thực hiện. Nhà trường đã trang bị nhiều bình chữa cháy bố trí ở khu hiệu bộ và các phòng bộ môn, các phòng chức năng khác để sử dụng nếu có sự cố xảy ra. Nhà trường có đội cờ đỏ, đội thanh niên xung kích để theo dõi thi đua trong học sinh và phản ánh kịp thời những hiện tượng xấu xảy ra trong và ngoài nhà trường nhằm giáo dục, răn đe kịp thời học sinh. Ngoài ra còn có sự phối kết hợp với tổ chức Đoàn, bộ phận thi đua quản lý nề nếp học sinh, thường xuyên giáo dục, theo dõi, kiểm tra đánh giá về ý thức thực hiện nội quy của học sinh đầu giờ học mỗi ngày. [H1-1.10-02]. Nhà trường có hai nhân viên bảo vệ có mặt tại trường 24/24 để góp phần bảo vệ tài sản nhà trường và giám sát học sinh Bên cạnh

đó hệ thống camera được trang bị nhằm bảo vệ an ninh trật tự, tài sản nhà trường. Ngoài ra, việc phân công lãnh đạo trực hàng ngày đã tích cực tham gia vào công việc giữ gìn trật tự, an ninh trong trường [H1-1.10-03].

Cuối năm hoạt động đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được tổ chức rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhiều năm liền được ghi nhận đơn vị đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn trên địa bàn. Vì vậy, nhà trường luôn là môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh xứng đáng với niềm tin của chính quyền địa phương và các bậc phụ huynh.

b) Trong những năm học qua, Trường THPT Nguyễn Du không xảy ra tình trạng mất an ninh, an toàn trường học ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của CBGVNV và học sinh nhà trường. Nhà trường có hộp thư góp ý hoặc số điện thoại của HT được công khai để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân. Khi đã có tình huống xảy ra, nhà trường phối hợp với cơ quan chức năng và Ban ĐDCMHS để giải quyết thỏa đáng [H1-1.10-04].

c) Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết nhất trí, luôn giữ vững tính thân thiện, hòa khí trong tập thể sư phạm và học sinh, thực sự nhà trường đã trở thành tổ ấm với khẩu hiệu “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”; tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử, vi phạm về giới không tồn tại trong nhà trường. Chưa có hiện tượng vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-05].

Mức 2

a) Đầu năm học nhà trường phối hợp với Ban ATGT Công an thị xã tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; phòng chống thiên tai; bộ phận y tế học đường thường xuyên tuyên truyền dưới cờ về dịch bệnh, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống HIV, thuốc lá [H1-1.10-06]. Thực hiện quy chế phối hợp giữa nhà trường với Công an các xã, thị trấn trong việc ngăn ngừa học sinh vi phạm pháp luật, xây dựng Mô hình “Tuổi trẻ học đường nói không với vi phạm pháp luật”. Phối hợp với TTYT thị xã tổ chức khám bệnh sàng lọc những bệnh tật học đường, tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh và nội dung này được lồng ghép giáo dục vào bài dạy có liên quan như môn giáo dục công dân, sinh học .

b) Nhà trường thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thu thập các thông tin ảnh hưởng đến trật tự an toàn trong trường học, thường xuyên liên lạc với phụ huynh về hạnh kiểm, chấp hành nội quy nhà trường của các em qua hệ thống tin nhắn, được cơ quan công an, lãnh đạo địa phương đánh giá cao trong công tác đảm bảo trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-7].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh thiên tai, tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng tránh các tệ nạn xã hội. Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho CBGVNV trong nhà trường.

Có môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, bình đẳng, không có sự phân biệt, kỳ thị hay bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp với ngành chức năng ở địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ; xử lý thu thập thông tin có khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, tổ chức học sinh tham gia đầy đủ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, phòng chống tham nhũng; quản lý học sinh chặt chẽ, có những biện pháp giáo dục hiệu quả hơn.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng: Công an huyện tuyên truyền về pháp luật, về an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, tai nạn thương tích vào đầu năm học; xây dựng các biển báo nguy hiểm và đường giảm tốc tại khu vực nhà trường; sơ kết quy chế phối hợp giữa công an địa phương và nhà trường; Trung tâm y tế thị xã khám sức khỏe định kỳ cho sinh sinh, kiểm tra về an toàn thực phẩm để duy trì và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo sức khỏe cho học sinh góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phối hợp với Ban Đại diện CMHS trong việc phòng chống bạo lực học đường.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và cơ sở thuốc để đảm bảo sơ cấp cứu ban đầu cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Trong 5 năm qua, được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, của Sở GD&ĐT, Trường THPT Nguyễn Du đã đạt được những thành tích đáng trân trọng. Nhà trường đã xây dựng chiến lược của đơn vị trên cơ sở thực tế địa phương, nhà trường. Chiến lược được sự đóng góp không những từ trí tuệ tập thể nhà trường mà còn có sự tham gia của các cấp địa phương, ngành, của các nhà giáo lão thành và CMHS. Sứ mệnh lịch sử của nhà trường được xác định là: Chất lượng, uy tín và là nơi tin cậy của xã hội và CMHS. Chính vì vậy mà chiến lược được đầu tư lớn, được công bố rộng rãi để các cấp góp ý, điều chỉnh, theo dõi và đánh giá.

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo quy định. Quản lý các hoạt động giáo dục đều có kế hoạch sát với thực tế đơn vị;

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường thực hiện có hiệu quả đem lại chất lượng giáo dục cao.

Quản lý tốt tài chính, tài sản của nhà trường. Sử dụng nguồn tài chính có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tài chính được công khai rõ ràng, minh bạch.

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu nại tố cáo xảy ra.

Thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ theo quy định và toàn diện cho tất cả các mặt giáo dục, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ này bằng nhiều hình thức khác nhau, sau khi kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm chung, đề ra biện pháp khắc phục.

Có các phương án để đảm bảo sự an toàn cho CB-GV-NV và HS trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục. Trong những năm học qua, nhà trường không có sự cố nào về an ninh trật tự, bạo lực học đường, cháy nổ...

Điểm yếu cơ bản:

Các lớp học hoạt động chưa đều, một số lớp tự quản chưa tốt.

Từ khi xảy ra dịch Covid-19, học sinh bị nhiễm bệnh khá nhiều nên dẫn đến việc ít tập trung trong học tập. Việc dạy thêm, học thêm không tổ chức được nên chất lượng giáo dục nhất là phong trào mũi nhọn học sinh giỏi chưa thực sự cao như mong muốn.

Một số giáo viên, nhân viên còn ít quan tâm khi tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Thống kê

Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 10/10

Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 05/05

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục của toàn đơn vị; hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường qua từng năm học.

Các cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và có khả năng tư vấn cho đội ngũ trên mọi lĩnh vực; tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao. Nhiều giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, có uy tín trong học sinh, nhân dân địa phương.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó đã tạo động lực thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển vững chắc. Học sinh của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HT và các PHT được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy trình hướng dẫn của công tác cán bộ. HT và PHT nhà trường đều có trình độ đại học, trên đại học và đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng, P. Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Tất cả đều có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức, lối sống lành mạnh không vi phạm theo quy định tại Chương 2 của Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định

về đạo đức nhà giáo. HT và PHT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường phổ thông. Vào mỗi đầu năm học trên cơ sở ý kiến tham mưu của PHT và các tổ trưởng chuyên môn, HT ra quyết định phân công nhiệm vụ cho CBGVNV phù hợp với năng lực, trình độ của cá nhân và thực tế của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo nhiệm vụ năm học.

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được cấp trên quản lý trực tiếp đánh giá và xếp loại từ loại khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học. Trong nhiều năm học đều được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở, được UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen. **[H2-2.1-01]**.

c) HT và PHT đã tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý do Bộ GD&ĐT tổ chức theo kế hoạch, đã học xong lớp Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính, ngoài ra HT, PHT còn được tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, các chuyên đề chuyên môn nghiệp vụ do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức, tham dự các chuyên đề quản lý theo kế hoạch của ngành **[H2-2.1-02]**.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp HT và PHT đều được cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, PHT và đã hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H2-2.1-03]**.

b) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. **[H2-2.1-04]**.

Mức 3

Trong 05 năm qua, HT và PHT được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. HT, PHT được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở, được các cấp khen thưởng và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. **[H2-2.1-06]**.

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường đã đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, sáng tạo trong điều hành và quản lý công việc. Có thời gian trực tiếp giảng dạy nhiều năm, vốn là những giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh. Việc phân công, phân nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tiến hành công khai, rõ ràng, hợp lý, có sự thống nhất cao trong nội bộ nhà trường, có tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả về nhiệm vụ được giao trong từng năm học.

- Hằng năm được lãnh đạo Sở GD&ĐT đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ theo chuẩn Hiệu trưởng trường trung học. Được tham dự nhiều lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Lãnh đạo trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, chính quyền và nhân dân địa phương... để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển giáo dục của nhà trường.

- Có kế hoạch làm việc khoa học, đạo đức nghề nghiệp tốt, tâm huyết với nghề; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên hòa thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

- Việc chỉ đạo triển khai dạy học trực tuyến trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đẩy mạnh công tác tự học nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đường truyền wifi đảm bảo dạy học trực tuyến tốt nếu tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT, nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục. Năm học 2023-2024 trường có tổng số 68 giáo viên, tỷ lệ giáo viên trên 38 lớp là 1,79. Có 100% giáo viên được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo [H2-2.2-01]. Việc phân công, phân nhiệm cho đội ngũ hiện nay là hợp lý, phù hợp với năng lực của từng cá nhân. Trong phân công đảm bảo tính dân chủ, công khai trên tinh thần đặt quyền lợi của học sinh lên hàng đầu. Hằng năm 100% giáo viên trong nhà trường tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lớp bồi dưỡng chính trị hè.

b) Có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định. [H2-2.2-02].

c) Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 và Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về hướng dẫn đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên. [H2-2.2-02].

Mức 2

a) Trong 05 năm từ 2019 đến 2024, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Hiện giáo viên của nhà trường có 100% đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 23 giáo viên có trình độ thạc sĩ [H2-2.2-03].

b) Hiện nay 100% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

c) Đội ngũ giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm

liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-04].

Mức 3

a) Trong 5 năm liên tiếp, luôn có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có hơn 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. [H2-2.2-03].

b) Trong 5 năm liên tiếp có 08 đề tài sáng kiến của cán bộ, giáo viên được công nhận cấp ngành và nhiều giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học đạt cấp trường nhưng dự thi cấp Ngành không đạt. [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy học các bộ môn và đáp ứng các vị trí việc làm theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT.

- Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn chiếm tỉ lệ 29,11%. Nhà trường đã thường xuyên tạo điều kiện, động viên, khích lệ giáo viên tăng cường tự học và tham gia bồi dưỡng để nâng cao trình độ đạt trên chuẩn.

- Hầu hết giáo viên của nhà trường nhiệt tình trong giảng dạy và giáo dục học sinh; có tinh thần tự học, tự rèn, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; có khả năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp và hướng dẫn nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- 100% giáo viên của trường thực hiện tốt đạo đức nhà giáo và các quy định của Nhà nước, quy chế của Ngành, nội quy của trường.

3. Điểm yếu

- Trình độ chuyên môn và năng lực công tác của giáo viên không đồng đều, số lượng đội ngũ cán bộ cốt cán chuyên môn chưa nhiều.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học chỉ đạt kết quả ở cấp trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục coi trọng và nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá của GV theo chuẩn nghề nghiệp GV THPT, tổ chức tốt các phong trào thi đua, định kỳ tổng kết đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên; xây dựng các tiêu chí cụ thể để thực hiện tốt hơn công tác tự đánh giá xếp loại.

- Tiếp tục coi trọng và nâng chất lượng sinh hoạt chuyên môn, lấy sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn làm cơ sở để bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp cho đội ngũ thông qua sinh hoạt tổ.

- Tiếp tục chú trọng công tác xây dựng đội ngũ và nhân rộng điển hình. Tích cực tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp tỉnh khi Sở GD&ĐT tổ chức.

- Động viên cán bộ, giáo viên cần tích cực trong công tác tự học, tự rèn và học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên phấn đấu học nâng chuẩn. Phấn đấu thi nghiên cứu khoa học đạt cấp ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thư viện và nhân viên khác theo thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác. [H2-2.3-01].

b) Các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực và theo chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận. Mỗi bộ phận đều đảm bảo các loại hồ sơ sổ sách, lưu các văn bản chỉ đạo, chứng từ thanh quyết toán, chứng từ xuất nhập thanh lí tài sản đúng theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và nguyên tắc tài chính. Việc kiểm tra của Lãnh đạo thường xuyên ở mỗi bộ phận. [H2-2.3-02].

c) Các nhân viên của trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cuối năm học, mỗi nhân viên đều tự kiểm điểm công việc của mình, được hội đồng TĐKT đánh giá, xếp loại. Từ đó, mỗi nhân viên rút kinh nghiệm, đã có cải tiến các biện pháp thực hiện và được đánh giá hoàn thành tốt các nhiệm vụ, có kèm hồ sơ thi đua [H1-1.7-03].

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo với yêu cầu quy định. [H2-2.3-01].

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời gian đánh giá không có nhân viên nào bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên [H1-1.7-03].

Mức 3

a) Nhân viên Văn thư, Thư viện, Y tế học đường có trình độ Cao đẳng, Trung cấp; nhân viên kế toán có trình độ Cử nhân; nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công tác đáp ứng được vị trí việc làm. [H2-2.3-04].

b) Lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để các nhân viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn do các cấp tổ chức nhằm nâng cao năng lực làm việc [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ, làm việc nhiệt tình và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhân viên tổ văn phòng được trang bị về thiết bị, kết nối internet và các thiết bị cần thiết khác để làm tốt chức năng của mình. Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo tổ Văn phòng nên việc cập nhật thông tin, báo cáo, xử lí công văn của các bộ phận văn phòng kịp thời.

3. Điểm yếu

Mô hình trường lớn, số lượng nhân viên theo vị trí việc làm còn thiếu, nên nhân viên thường bị quá tải trong công việc;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch, việc thực hiện lịch công tác cụ thể hằng ngày của nhân viên để đảm bảo ngày công lao động và chất lượng.

hiệu quả việc làm; Hàng tháng, cuối học kì tổ Văn phòng và nhà trường có đánh giá kết quả làm việc của từng nhân viên về các mặt ưu, khuyết để rút kinh nghiệm công tác tốt hơn.

- Động viên nhân viên tích cực tự học, tự nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lễ lối làm việc khoa học, hiệu quả hơn đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác mua sắm, quản lí và sử dụng trang thiết bị dạy học, nhất là phát huy có hiệu quả việc thực hành ở các phòng học chức năng.

- Thường xuyên tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, động viên về tinh thần để nhân viên làm việc tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Độ tuổi học sinh tuyển vào trường hằng năm theo đúng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 34 của Điều lệ trường trung học. Trong 5 năm qua có 2.855 học sinh lớp 9 trên địa bàn các xã/phường Hoài Hương, Hoài Thanh, Hoài Hải, Hoài Mỹ được tuyển sinh vào lớp 10 của trường; 100% học sinh đảm bảo quy định về tuổi theo Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

b) Học sinh nhà trường thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ và không vi phạm các hành vi không được làm theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Điều lệ trường trung học. Căn cứ theo các quy định của Điều lệ trường phổ thông, nhà trường xây dựng nội quy cho học sinh, yêu cầu học sinh viết bản cam kết những điều cần làm và không được làm về hành vi, ngôn ngữ, lễ phép với thầy cô giáo, người lớn tuổi, trang phục theo qui định; giúp đỡ bạn bè thông qua học tập tổ nhóm, học sinh khó khăn; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông; thực hiện tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện, rèn luyện bản thân, vệ sinh cá nhân, bảo vệ môi trường; tham gia tốt việc sinh hoạt tập thể, Đoàn, Hội, tham gia đầy đủ các hoạt động trải nghiệm; với học sinh có năng khiếu, năng lực động viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi, làm quen với nghiên cứu khoa học [H2-2.4-01]. Nhà trường cũng cam kết cụ thể với địa phương, Công an về các nội dung thực hiện an ninh trường học, các nội dung học sinh không được phép làm. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, ý thức chấp hành kỷ luật; thực hiện an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội luôn được chú trọng giáo dục thông qua tiết dạy, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể, hoạt động NGLL thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết về nội dung liên quan [H2-2.4-01]. Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên hệ với gia đình học sinh, để thông báo đến phụ huynh những thông tin về kết quả rèn luyện của học sinh một cách kịp thời qua hệ thống VnEdu. Việc theo dõi những học sinh vi phạm

nội quy được thực hiện chặt chẽ, đặc biệt chú trọng đến học sinh có nguy cơ bỏ học [H1-1.5-02].

c) Học sinh nhà trường được bảo đảm các quyền được quy định tại Điều 35 Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. [H2-2.4-03].

Mức 2

Công tác quản lý học sinh, công tác trực thi đua được triển khai thực hiện tốt. Đoàn thanh niên, đội cờ đỏ ở các lớp, đội thanh niên xung kích thực hiện kiểm tra nên những vi phạm của học sinh về nội quy, giờ giấc, nề nếp và các hành vi vi phạm khác được nắm bắt cụ thể, kịp thời. Nếu học sinh vi phạm sẽ được giáo dục, nhắc nhở, xử lý theo quy định Điều lệ. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với địa phương, Ban đại diện CMHS nên những học sinh vi phạm được theo dõi, cùng phối hợp giáo dục và đã có chuyển biến tích cực. Trong nhiều năm qua, nhà trường có rất ít học sinh vi phạm đến mức xử lý kỷ luật. [H2-2.4-04].

Mức 3

Học sinh có thành tích cao trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Chất lượng đào tạo mũi nhọn học sinh giỏi của nhà trường trong nhiều năm qua đạt được hiệu quả cao, nhiều học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh ở lớp 11, 12; nề nếp học tập, hạnh kiểm học sinh ngày một tiến bộ, tạo niềm tin cho nhân dân, có sự lan tỏa rất lớn trong xã hội và tác động tích cực đến CMHS cũng như học sinh, có tác dụng cao đối với phong trào học tập của lớp cũng như nhà trường [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh đến trường đúng theo độ tuổi, được thực hiện các nhiệm vụ và quyền của học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Phần lớn học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy nhà trường, các quy định của Điều lệ trường phổ thông và những quy định của pháp luật.

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Đặc biệt, học sinh tuyển vào lớp 10 hàng năm có điểm chuẩn khá thấp nhưng với sự nỗ lực cố gắng của nhà trường, của đội ngũ giáo viên nên chất lượng đầu ra khá cao, nhiều năm liền học sinh tốt nghiệp THPT đạt 100%.

3. Điểm yếu:

- Vẫn còn một số ít học sinh vi phạm nội quy của trường, quy định của lớp như: gây gổ, chửi thề, sử dụng điện thoại trái phép trong lớp học.

- Một số học sinh thiếu sự quan tâm của gia đình, cha mẹ đi làm ăn xa, ông bà không quản lý được nên còn lười học, ham chơi dẫn đến học tập sa sút, kết quả chưa được như ý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm tiếp theo, nhà trường cùng với tổ chức Đoàn thanh niên, Ban đại diện CMHS phối hợp với Hội Cựu chiến binh, Công an huyện... tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh; chỉ đạo tổ Tư vấn tâm lý học sinh có biện pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi học sinh để nắm bắt hoàn cảnh, tâm sinh lý, nguyện vọng của các em nhằm ngăn chặn kịp thời những học sinh lười học, ham chơi, có suy nghĩ lệch lạc, muốn bỏ học và có các hành vi vi phạm nội quy trường, lớp cũng như những điều không được làm theo quy định của Điều lệ trường phổ thông.

Nhà trường phát huy hơn nữa các mô hình lớp tự quản, công trường an toàn, Trường học văn minh, học sinh thân thiện, không ma túy và bạo lực học đường... để tạo được môi trường sư phạm trong sạch, không có học sinh vi phạm kỉ luật, vi phạm pháp luật.

Tăng cường xây dựng chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng tốt hơn về chuyên môn nghiệp vụ để việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá, dự giờ, thao giảng, báo cáo chuyên đề, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu... đi vào chiều sâu và có hiệu quả hơn nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục cho học sinh.

Tổ chức nhiều hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT, trải nghiệm,... để tạo ra sân chơi bổ ích thu hút học sinh, giúp các em vừa có thêm hiểu biết, vừa rèn luyện được sức khỏe và có được các kỹ năng, năng lực cần thiết để sống, sinh hoạt và học tập tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường là không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, vai trò của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là yếu tố quan trọng giữ vai trò nòng cốt trong mọi hoạt động giáo dục, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả, chất lượng của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường có những ưu, nhược điểm sau:

Ưu điểm nổi bật:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường đều đảm bảo theo quy định Điều lệ trường trung học phổ thông. HT và PHT nhiệt tình, có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đã qua nhiều năm công tác giảng dạy và quản lý nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác. Các loại hồ sơ do nhà trường quản lý đầy đủ và cụ thể. Đặc biệt, Lãnh đạo nhà trường đã tập hợp được sự đồng thuận cao của đội ngũ nên phát huy được sức mạnh tập thể, mang lại thành tích cao cho nhà trường.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường đã ý thức được tinh thần và trách nhiệm của mình, không ngừng nỗ lực, luôn phấn đấu nâng cao đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn. Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

Hầu hết học sinh có ý thức trong rèn luyện và học tập, chấp hành tốt an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường...

Nhược điểm cơ bản:

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học, quản trị hành chính của một số giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

Một số nhân viên còn chờ sự phân công nhắc nhở từ Lãnh đạo nhà trường nên thiếu tính sáng tạo trong công việc, do đó ít nhiều ảnh hưởng nhất định đến công tác chung của nhà trường.

Một bộ phận học sinh nghiện điện thoại, ham chơi, lười học lại thiếu sự quan tâm của gia đình nên việc học tập chưa tốt; một số học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn nên chưa thật sự phát huy hết khả năng cá nhân.

Thống kê

Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4

Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4

Số tiêu chí đạt mức 3: 4/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường THPT Nguyễn Du có khuôn viên riêng biệt, thoáng, mát; môi trường xanh - sạch - đẹp; được quy hoạch khoa học, hợp lý đảm bảo việc tổ chức các hoạt động của nhà trường. Sân chơi, bãi tập, tường rào, cổng trường, biển tên trường đảm bảo theo đúng quy định. Nhà trường có đủ các phòng học, có tương đối đủ các phòng phục vụ học tập và khu hành chính - quản trị. Các phòng được trang trí theo đúng quy định và có đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động của thầy và trò. Thư viện nhà trường được công nhận đạt chuẩn thư viện Tiên tiến và có nhiều hình thức hoạt động thư viện phong phú. Nhà trường có thiết bị dạy học hiện đại. Nhà để xe, nhà vệ sinh cùng với hệ thống thoát nước đảm bảo theo yêu cầu. Hằng năm các trang thiết bị được mua sắm, bổ sung tương đối đầy đủ, nhà trường đã khai thác và sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

Mức 1

- a) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tổng diện tích khuôn viên 26.132m², có hệ thống cây xanh, bóng mát. Sân trường đã được bê tông hóa thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ tạo ra môi trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát [H3-3.1-01].
- b) Có cổng trường kiên cố, biển tên trường đảm bảo đúng quy định. Trường có hệ thống tường rào kiên cố được xây dựng bao quanh theo quy định [H3-3.1-02].
- c) Sân trường rộng, có cây bóng mát lâu năm bảo đảm cho việc sinh hoạt vui chơi cho học sinh và các hoạt động tập thể của trường. [H3-3.1-03].

Mức 2

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch tiến hành cải tạo cảnh quan, môi trường từ kinh phí ngân sách, từ công tác xã hội hoá. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, tạo được môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh. CSVC từng bước đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao trong các hoạt động giáo dục theo tinh thần đổi mới. [H3- 3.1 - 04]

Mức 3

Nhà trường có diện tích sử dụng theo giấy quyền sử dụng đất là 26.136m². Diện tích hiện nay bình quân 15,56m²/HS. Hằng năm, nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó đã điều chỉnh, nâng cấp CSVC hiện có, nâng cao hiệu quả sử dụng và đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của trường. [H3- 3.1 - 05]

2. Điểm mạnh

Đất đai, khuôn viên trường được nhà nước cấp quyền sử dụng đất, đảm bảo diện tích bình quân theo đầu học sinh đúng quy định. Trường có tường rào, công ngõ kiên cố, môi trường thoáng mát và luôn sạch sẽ

3. Điểm yếu

Sân trường đang xuống cấp, cây cảnh chưa đẹp và độ phủ của cây xanh bóng mát chưa rộng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục đề xuất chính quyền địa phương cấp đất để xây dựng bãi tập đáp ứng nhu cầu học tập.

Quy hoạch lại hệ thống cây xanh cho phù hợp và thẩm mỹ hơn.

Tiếp tục giáo dục cho học sinh ý thức tự giác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhắc nhở giáo viên dạy thể dục quản lý học sinh tốt hơn để không gây ồn ào ảnh hưởng đến các hoạt động hành chính của nhà trường.

Vệ sinh thường xuyên khuôn viên nhà trường, tích cực chăm sóc cây xanh, tiếp tục duy trì cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ phòng học 02 ca/ngày, học sinh lớp 11, lớp 12 học buổi sáng, học sinh lớp 10 học buổi chiều. Các phòng học đều được trang bị bảng chống lóa kích thước 1,2m x 3,6m; hệ thống đèn đảm bảo ánh sáng theo đúng quy định; 26 phòng học có màn hình tivi 55 inch đến 65 inch phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin, phòng học luôn được vệ sinh sạch sẽ theo đúng quy định của Bộ Y tế. Mỗi phòng học có 24 bộ bàn ghế loại 2 chỗ ngồi, 01 bộ bàn ghế giáo viên và các vật trang trí khác. Tất cả bàn ghế học sinh và giáo viên trong phòng học đều đúng quy cách [H3-3.2-01].

b) Nhà trường hiện nay có đủ phòng học bộ môn theo quy định gồm: Phòng học bộ môn Vật lý, phòng học bộ môn Hóa học, phòng học bộ môn Sinh học, phòng học bộ môn Tin học, phòng học bộ môn Ngoại ngữ, phòng học bộ môn công nghệ, phòng đa chức năng, phòng Khoa học xã hội. [H3-3.2-02].

ĐIỂM
TR
CUNG
CẤP

c) Nhà trường có phòng Đoàn TN là nơi làm việc của Đoàn trường. Thư viện nhà trường đảm bảo đủ chỗ ngồi cho giáo viên, học sinh theo quy định và đã tạo được không gian khá riêng biệt. Phòng truyền thống nhà trường có diện tích 48 m², trưng bày các hiện vật về thành tích, hình ảnh các thế hệ CBGVNV của nhà trường qua nhiều năm, các tặng vật của các đơn vị bạn, của cựu học sinh và là nơi giáo dục truyền thống nhà trường cho giáo viên và học sinh. **[H3-3.2-03]**.

Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn nhà trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập **[H3-3.2-01]**.

b) Khôi phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. Các phòng bộ môn được đầu tư thiết bị dạy học đặc trưng của mỗi bộ môn; thiết bị dạy học hiện đại: hệ thống máy chiếu, bảng đa năng, máy vi tính, tivi 65inch, đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong dạy học. **[H1-1.6-01]**

Mức 3

Đầu tư xây dựng phòng học, cải thiện điều kiện dạy của giáo viên và điều kiện học của học sinh, hệ thống phòng học, phòng bộ môn đã được trang bị đầy đủ các phương tiện dạy học hiện đại: tivi 65 inch, có kết nối mạng internet... thuận lợi cho việc sử dụng phương tiện kỹ thuật trong dạy học, tổ chức dạy học thí nghiệm thực hành ở cùng một thời điểm cho nhiều giáo viên cùng bộ môn, cùng khối lớp. **[H3-3.2-02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng đảm bảo việc giảng dạy; các phòng học bộ môn có diện tích theo chuẩn quy định, phòng Hội trường được trang bị các thiết bị đảm bảo cho các hoạt động theo chức năng. Trang thiết bị cần thiết trong từng phòng học đảm bảo đúng chuẩn quy định.

Các phòng học, các phòng bộ môn, bàn ghế, bảng đều đảm bảo quy định của của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Thiết bị phục vụ dạy học một số phòng bộ môn chưa đồng bộ, còn có những hạn chế.

Chưa có nhà thi đấu đa năng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tham mưu lãnh đạo các cấp xây dựng thêm phòng học và phòng học bộ môn. Thường xuyên tu bổ, bảo dưỡng cơ sở vật chất hiện có để sử dụng có hiệu quả.

Tham mưu các cấp, vận động xã hội hóa tạo nguồn xây dựng sân thể dục có mái che, về lâu dài xây dựng nhà thi đấu đa năng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính-quản trị

Mức 1

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị.

Mức 2

Khôi hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu hiệu bộ được xây dựng từ năm 2021. Bao gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng Hội đồng, văn phòng, phòng kế toán, phòng Đoàn TN. Ngoài ra nhà trường còn bố trí 07 phòng sinh hoạt tổ: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Lý-Tin-CN, Hóa-Sinh-CN, Sử- Địa-GDKT&PL, GDTC-GDQP&AN ở Dãy A. Hội trường được trang bị đầy đủ những vật dụng và thiết bị cần thiết theo quy định. Khối phòng hành chính có đầy đủ bàn ghế làm việc, tủ chứa hồ sơ gọn gàng, có trang bị máy vi tính, máy in. **[H3-3.1-01]**.

b) Nhà trường xây dựng nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh, mái vòm trụ sắt. Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự, không ảnh hưởng đến việc dạy và học. **[H3-3.3-02]**.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung, xây dựng mới các thiết bị khối hành chính – quản trị từ kinh phí chi thường xuyên, quỹ phát triển sự nghiệp, nguồn kinh phí của tỉnh đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường. **[H3-3.3-03]**.

Mức 2.

Khối hành chính-quản trị theo quy định. **[H3-3.3-01]**.

Mức 3

Khối hành chính-quản trị ngoài việc bổ sung, đổi mới các thiết bị còn được kết nối các thiết bị với hệ thống internet, có trang Website, sử dụng hệ thống Vnedu để việc thông tin đến cán bộ, giáo viên, CMHS và học sinh kịp thời, nhanh chóng. Các trang thiết bị được sắp xếp hợp lý khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường **[H3-3.3-04]**.

2. Điểm mạnh

Các phòng của khối hành chính-quản trị đáp ứng tốt để các bộ phận làm việc, có đầy đủ trang thiết bị cho các bộ phận, kết nối thông tin hiện đại nên các thông tin nhận và gửi nhanh chóng kịp thời. Bố trí khu để xe cho giáo viên và học sinh tương đối hợp lý nên bảo đảm an toàn trật tự, không ảnh hưởng đến làm việc và học tập.

Hàng năm được tu bổ, sửa chữa, bổ sung thêm cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ tốt nhất cho công tác dạy học.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị ở khối hành chính, quản trị trang bị chưa đồng bộ, nhiều thiết bị làm việc, máy tính, máy in đã cũ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học đến, nhà trường tích cực tham mưu cải tạo khu làm việc, theo kế hoạch của Sở GDĐT phê duyệt, tiến hành đầu tư vào những năm sau.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có các khu vệ sinh tự hoại, thiết kế riêng cho nam, nữ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Các khu vệ sinh tự hoại đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, an toàn, thuận tiện, có hệ thống nước, bồn rửa tay. Hàng ngày các khu vệ sinh nhà trường được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ, không gây ô nhiễm. **[H3-3.4-01]**.

b) Nhà trường có hệ thống nước giếng khoan, nước máy có bể, bồn chứa nước và hệ thống ống dẫn nước, hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Bộ Y tế. **[H3-3.4-02]**.

c) Trường có đủ các thùng thu gom rác thải và được thu gom theo quy định của công ty môi trường đô thị thị xã Hoài Nhơn; có nơi xử lý chất thải đúng quy định và đảm bảo vệ sinh môi trường đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/ BGDĐT ngày 26/05/2020 **[H3-3.4-03]**.

Mức 2

a) Khu vệ sinh xây dựng ở những vị trí thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Khu vệ sinh đảm bảo sinh hoạt của tất cả học sinh nhà trường. **[H3-3.4-01]**.

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Phòng y tế có thùng đựng và phân loại rác thải riêng biệt, thu gom và xử lý rác thải đúng quy định. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đầy đủ, thông hút cống, hố ga theo định kỳ và không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vệ sinh; nhà trường ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị Hoài Nhơn trong việc thu gom rác thải đảm bảo theo quy định **[H3-3.4-03]**.

2. Điểm mạnh

Các khu vệ sinh ở vị trí thuận lợi đi lại, an toàn, sạch sẽ, đảm bảo theo quy định về yêu cầu thiết kế.

Nhà trường hợp đồng với Công ty vệ sinh và môi trường thị xã Hoài Nhơn xử lý rác thải hàng ngày, không có tình trạng rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường.

Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đầy đủ, thông hút hố ga theo định kỳ và không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vệ sinh.

3. Điểm yếu

Khu đất sân trường có một số chỗ còn trũng, mùa mưa một vài nơi trong trường nước rút chậm, ảnh hưởng đến môi trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục giáo dục học sinh ý thức về việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh và tiết kiệm nước sinh hoạt. Hiện nhà trường có kế hoạch làm lại mặt bằng sân trường, tránh tình trạng ngập cục bộ một vài nơi trong khuôn viên trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thiết bị văn phòng đảm bảo cho hoạt động của tất cả các bộ phận, đáp ứng nhanh, kịp thời và khoa học gồm: tất cả nhân viên văn phòng đều được trang bị máy vi tính kèm theo máy in, 2 máy photocopy, 1 máy scand, có trang Web, hệ thống Wifi, hệ thống âm thanh thích hợp [H1-1.6-02].

b) Có đủ thiết bị dạy học như tranh ảnh, mô hình, hóa chất... đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định đối với tất cả các bộ môn, đáp ứng được mục tiêu của chương trình đối với cấp học. Trong quá trình dạy học, giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị dạy học sẵn có và tự làm một số đồ dùng dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy theo đúng quy định của Bộ GDĐT [H3-3.5-01].

c) Cuối năm các bộ phận tiến hành kiểm kê các thiết bị, qua đó đề xuất thanh lý, bổ sung, sửa chữa cũng như đánh giá quá trình sử dụng, bảo quản tài sản thiết bị [H3-3.5-02].

Mức 2

a) Tất cả hệ thống máy tính của Lãnh đạo, của phòng ban làm việc đều được kết nối internet [H3-3.5-03] phục vụ công tác quản lý hành chính, quản lý chuyên môn, hoạt động dạy học. Các thiết bị được sắp xếp khoa học, ngăn nắp thuận tiện cho việc phục vụ dạy và học và được sử dụng tối đa, các thiết bị dạy học thể dục tương đối đảm bảo. Việc theo dõi sử dụng các thiết bị được cập nhật, mượn, trả đúng thời hạn; có sự kiểm tra, đánh giá của HT, PHT, của các tổ trưởng chuyên môn về số lượng thiết bị, chất lượng thiết bị và hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học hàng năm [H3-3.5-04].

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học ngày càng đi vào chất lượng và được theo dõi quản lý đầy đủ trong tài sản của nhà trường [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, bộ phận thiết bị, hành chính, các nhóm chuyên môn luôn đề xuất mua sắm mới các thiết bị, đồ dùng phục vụ học tập của học sinh và đáp ứng với yêu cầu công việc của từng bộ phận. [H3-3.5-02].

Mức 3

Phòng thí nghiệm, khu vực thực hành bao gồm các phòng bộ môn đều được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học hiện đại như: máy vi tính ở phòng tin học và phòng ngoại ngữ, đủ các trang thiết bị dạy và học thực hành ở các phòng bộ môn còn lại: phòng Vật lý, phòng Hóa, phòng Sinh. Ngoài ra, nhà trường còn đầu tư phòng Ngoại ngữ với đầy đủ hệ thống máy móc, bảng tương tác để phục vụ dạy học, hệ thống máy chiếu, vi tính có kết nối mạng Internet, hệ thống âm thanh, ánh sáng, hệ thống nghe nhìn, các tivi trang bị ở các lớp học. Tất cả những điều kiện này nhằm giúp giáo viên và học sinh có điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với công nghệ mới trong dạy và học. [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Các trang thiết bị của nhà trường dành cho hoạt động của văn phòng và phục vụ cho giảng dạy, hoạt động khá đầy đủ. Sử dụng có hiệu quả cao góp phần nâng cao chất lượng công việc cũng như dạy học. Các trang thiết bị được bổ sung, sửa chữa kịp thời. Công tác kiểm kê, thanh lý đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Chất lượng thiết bị dạy học không đồng bộ; còn thiếu phòng để trưng bày; một số tiết dạy của giáo viên chưa sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tập huấn cho giáo viên sử dụng rộng rãi; mua sắm bổ sung hằng năm và bảo quản tốt hơn.

Xây dựng khối phòng phục vụ khác để tiện sử dụng những trang thiết bị và đồ dùng dạy học.

Có kế hoạch mua sắm thiết bị dạy học bổ sung hằng năm và bảo quản tốt hơn.

Có kế hoạch tuyển dụng cán bộ phụ trách phòng học bộ môn. Tổ chức khai thác triệt để giá trị sử dụng những trang thiết bị và đồ dùng dạy học hiện có.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của trường;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo

khoa và các xuất bản phẩm tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. [H3-3.6-01].

b) Thư viện nhà trường có đầy đủ các trang thiết bị: Bàn ghế, bảng giới thiệu sách, tủ mục lục, tủ sách, giá sách, hệ thống đèn sáng, quạt mát, đáp ứng nhu cầu sử dụng phòng đọc của giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện hoạt động đều đặn hàng ngày, có nội quy cụ thể lịch mở cửa thư viện các ngày từ thứ 2 đến thứ 6; Thư viện có các loại sách báo, tài liệu bổ sung vào thư viện được nhân viên thư viện thực hiện các công tác nghiệp vụ như: phân loại, mô tả rồi vào sổ Đăng ký tổng quát; sau đó tiến hành vào sổ đăng ký cá biệt cho từng cuốn sách để việc quản lý và sắp xếp tài liệu lên giá được khoa học, dễ tìm, dễ lấy; Báo, tạp chí nhập về thư viện cũng được nhân viên thư viện vào sổ Đăng ký báo, tạp chí để thuận tiện cho việc quản lý báo, tạp chí hiện có trong thư viện; Hằng năm, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập tổ Công tác viên Thư viện, để hỗ trợ nhân viên thư viện trong việc tổ chức và hoạt động của Thư viện được hiệu quả. [H3-3.6-02].

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động thư viện cụ thể cho cả năm học. Cán bộ quản lý thư viện có kế hoạch hoạt động hằng năm xây dựng vào đầu năm học được phê duyệt và làm cơ sở hoạt động cho cả năm học [H3-3.6-03]; Thư viện có Sổ theo dõi kinh phí để phục vụ cho việc quản lý tài chính của thư viện [H3-3.6-04]; Hoạt động của thư viện ngày càng đi vào nề nếp và thu hút được nhiều cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh đến mượn, đọc và nghiên cứu tài liệu. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh khi đọc sách và mượn sách đều được phụ trách thư viện vào sổ theo dõi [H3-3.6-05].

c) Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung sách báo. Trường đã đầu tư kinh phí để mua bổ sung sách báo, tạp chí và tài liệu tham khảo cho thư viện, phục vụ kịp thời nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và việc học tập của học sinh [H3-3.6-06];

Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động thư viện, kiểm kê thư viện vào cuối mỗi năm học và được lập thành biên bản kiểm kê lưu tại hồ sơ thư viện. Sau khi kiểm kê thì toàn bộ số sách, báo, tài liệu cũ, rách nát, hư hỏng sẽ được tiến hành thanh lý đúng quy định [H3-3.6-07]; Cuối mỗi năm học nhân viên Thư viện tổng hợp tình hình sách báo và hiệu quả hoạt động của Thư viện rồi lập thành báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-08].

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện chuẩn Mức 2 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 [H3-3.6-08].

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện chuẩn Mức 2 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 [H3-3.6-08].

2. Điểm mạnh

Thư viện có nhiều đầu sách, phong phú về chủng loại; được công nhận chuẩn thư viện Mức 2 (theo Thông tư 16) năm 2024.

Thư viện hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học tập của học sinh. Hằng năm, thư viện được đầu tư kinh phí cho bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo phục vụ kịp thời công tác dạy và học.

3. Điểm yếu

Số lượng các đầu sách tham khảo chưa phong phú.
Một vài tủ đựng sách báo trong thư viện đã xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm tiếp theo tăng cường huy động các nguồn lực, bổ sung thêm đầu sách tham khảo, nhất là các đầu sách của chương trình giáo dục phổ thông 2018 để giúp giáo viên và học sinh được cập nhật những nội dung mới; Mua bổ sung thêm 2 tủ đựng sách, báo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định, của Thị ủy, UBND huyện Hoài Nhơn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được nhà trường đầu tư thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

*** Ưu điểm nổi bật:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có tường bao, có cổng trường, có biển trường đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Có sân chơi, sân tập bằng phẳng, an toàn, có nhiều cây bóng mát, có các thiết bị vận động phục vụ tốt cho các hoạt động học tập và vui chơi của học sinh. Môi trường luôn “xanh - sạch - đẹp - an toàn”; Trường có đủ các phòng học và phòng chức năng đáp ứng được yêu cầu của việc dạy học 2 buổi/ngày, các phòng học đều được trang trí phù hợp và đảm bảo các yêu cầu theo quy định; Thư viện đạt thư viện Xuất sắc, hoạt động đạt hiệu quả đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, dạy-học của giáo viên, học sinh; Nhà trường có thiết bị dạy học hiện đại. 100% số máy tính của trường được kết nối internet, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh khai thác tài nguyên và tham gia các cuộc thi trên mạng. 100% bàn ghế học sinh đảm bảo quy định hiện hành.

*** Điểm yếu cơ bản**

- Một số thiết bị đồ dùng sử dụng lâu năm đã cũ và thiếu các chi tiết.
- Thiết bị đồ dùng tự làm của giáo viên còn ít.
- Số lượng sách tham khảo tương đối cũ.

*** Thống kê**

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 6/6
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 4/5

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Ban Đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và của nhà trường được thành lập và hoạt động hằng năm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22-11-2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa nhà trường với Hội cha mẹ học sinh; nhà trường với các đoàn thể chính trị xã hội trong và ngoài nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và chủ động tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội... huy động nguồn lực nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục của nhà trường.

Chú trọng tăng cường kết nối nhà trường với gia đình và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, nhất là hội cựu học sinh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp giữ vững và nâng cao

chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện mục tiêu xây dựng thương hiệu Trường THPT Nguyễn Du có sản phẩm giáo dục chất lượng cao và bền vững.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, vào đầu năm học, Nhà trường chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp; Lãnh đạo nhà trường triệu tập hội nghị đại biểu Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BDDT ngày 22/11/2011) và Nghị quyết của Đại hội đại biểu CMHS hàng năm. **[H4-4.1-01]**.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học, Các kế hoạch của Ban đại diện CMHS được thể hiện trong các nghị quyết Hội đồng trường và nhà trường **[H4-1.1-02]**.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp và của trường tổ chức các kỳ họp phụ huynh định kỳ vào đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối năm học bàn bạc, thống nhất xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với thực tiễn và yêu cầu giáo dục; chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Trong năm học, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về CSVC, về thời gian, địa điểm,... Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn tổ chức những cuộc họp đột xuất để bàn các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh **[H4-1.1-02]**.

Mức 2

Nhà trường đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động; triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động có hiệu quả như: tổ chức hội lễ vào các dịp khai giảng, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; ngày thành lập đoàn TNCS HCM 26/3, bế giảng năm học; tri ân thầy cô giáo trước khi ra trường; tổ chức tiếp sức mùa thi tốt nghiệp THPT... Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm giáo dục học sinh, tôn vinh và động viên thầy cô giáo trong công tác giảng dạy, mua sắm bổ sung thiết bị, phương tiện dạy học và tu sửa cơ sở vật chất nhà trường, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho học sinh; Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục khác như hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe, phòng chống dịch bệnh v.v.. Kế hoạch và chương trình hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần tích cực và có hiệu quả vào các hoạt động giáo dục của nhà trường **[H4-4.1-02]**.

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đặc biệt, trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp Hội khuyến học của nhà trường đã thực hiện tốt việc vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ tài chính cho quỹ khuyến học của nhà trường. Kết quả, Hội khuyến học của nhà trường đã trao thưởng cho học sinh có học lực khá, giỏi, trao nhiều xuất học bổng học sinh nghèo vượt khó và tiếp sức đến trường cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tài trợ làm nhà xe học sinh, hành lang từ các dãy phòng học ra khu vực vệ sinh học sinh, quan tâm phối hợp với nhà trường trong tổ chức các hoạt động giáo dục. [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng điều lệ.

Trong năm học, nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ. Tổ chức các cuộc họp định kỳ hay đột xuất giữa Ban đại diện với cha mẹ học sinh vào đầu năm, giữa năm và cuối năm học.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có kế hoạch cụ thể, rõ ràng, đúng chức năng, quyền hạn, có tinh thần trách nhiệm cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp có hiệu quả với Lãnh đạo nhà trường nhà trường và các hội, đoàn thể trong các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh, làm tốt công tác khuyến học khuyến tài, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khó khăn, tích cực phối hợp quản lý, giáo dục học sinh và xây dựng nhà trường.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh đôi lúc chưa phát huy hết vai trò của mình. Một số Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp chưa nhiệt tình trong việc hỗ trợ giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, Nhà trường tiếp tục duy trì các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, tích cực chủ động phối hợp cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ quy định.

Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm của mình, tích cực phối hợp với Nhà trường trong hoạt động quản lý, giáo dục học sinh, khuyến học khuyến tài, giúp đỡ học sinh khó khăn và các đối tượng yếu thế, tích cực giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh để tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, hiệu quả. Đặc biệt là nhất quán quan điểm về hỗ trợ bổ sung thiết bị dạy học cho nhà trường.

Chỉ đạo lực lượng GVCN thường xuyên nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của học sinh từ đó phối hợp kịp thời với cha mẹ học sinh để quản lý, giáo dục con em mình.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2



a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hiệu trưởng nhà trường đã chủ động tham mưu với Cấp ủy Đảng và Chính quyền địa phương, Sở Giáo dục & Đào tạo Bình Định và Cựu học sinh các khóa xây dựng cơ sở hạ tầng (chống xuống cấp dãy A, dãy B phòng học, phòng chức năng, làm hành lang kết nối giữa các dãy phòng học, nhà xe học sinh...); [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp chặt chẽ với tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường nhằm đảm bảo cho hoạt động giáo dục diễn ra an toàn, chất lượng, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương như: phối hợp với Công an xã/phường và Công an thị xã trong việc bảo vệ cơ sở vật chất, giữ gìn an ninh trật tự trường học, xử lý những học sinh vi phạm pháp luật giữ gìn môi trường giáo dục lành mạnh; tham gia lớp bồi dưỡng về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn đảm bảo môi trường giáo dục an toàn; phối hợp với các tổ chức như Đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ, phòng văn hóa thể thao, phòng Lao động, Thương binh và xã hội v.v.. đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường gắn với lịch sử - văn hóa truyền thống của địa phương. Cụ thể: tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao cấp thị xã, cấp tỉnh; chăm sóc các di tích lịch sử, công trình văn hóa ở địa phương, xây dựng quỹ từ thiện trợ giúp người nghèo,... [H4-4.2-02].

c) Huy động nguồn lực từ các bậc phụ huynh và các thế hệ học sinh trong việc xây dựng nhà truyền thống, trang bị phương tiện dạy và học; xây dựng các công trình nhỏ phục vụ cho dạy và học có ý nghĩa giáo dục truyền thống cho học sinh. Huy động nguồn lực tài chính từ cựu học sinh các khóa đã ra trường để xây dựng quỹ khuyến học, giúp học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khen thưởng các học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp [H4-4.2-03].

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2-04].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục, cụ thể:

Thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy lịch sử địa phương, lồng ghép việc giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa [H4-4.2-05].

Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được lồng ghép trong hoạt động Đoàn thanh niên cộng sản, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, nhận chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ 04 xã/phường trên địa bàn tuyển sinh. [H4-4.2-06]

Mức 3

Làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01].

2. Điểm mạnh

Chi bộ tham mưu với Thị ủy trong việc giới thiệu cán bộ nguồn theo học lớp Trung cấp chính trị và giới thiệu học sinh tham gia lớp cảm tình Đảng; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với tổ chức xã hội địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đóng góp của các cá nhân, tập thể để xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung các phương tiện, thiết bị dạy học và giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó, học sinh có hoàn cảnh khó khăn

3. Điểm yếu

Sự phối hợp của nhà trường với các tổ chức đoàn thể ngoài nhà trường chưa được thường xuyên và bền vững. Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực đóng góp của các cá nhân, tập thể chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các tổ chức đoàn thể xã hội, huy động có hiệu quả các nguồn lực đóng góp ngày càng nhiều hơn cho sự phát triển nhà trường. Thực hiện tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá theo định kỳ tìm giải pháp huy động hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

* Ưu điểm nổi bật:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã có sự gắn bó chặt chẽ trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tốt, đồng thời luôn thực hiện thông tin hai chiều để nắm bắt thông tin kịp thời nhằm có biện pháp để giáo dục học sinh trong việc hoàn thành kế hoạch năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh gắn bó mật thiết với nhà trường, hỗ trợ tốt cho nhà trường trong việc quản lý con em cũng như kinh phí xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất.

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực nhằm tăng cường cơ sở vật chất và xây dựng môi trường giáo dục; huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

* Nhược điểm cơ bản:

Chưa xây dựng tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường với các hộ dân, tổ dân phố trong việc quản lý dịch vụ giữ xe học sinh và dịch vụ ăn uống, giải khát có nề nếp, đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn thực phẩm. Sự phối hợp giữa lãnh đạo nhà trường và cha mẹ học sinh còn chưa thật sự chặt chẽ trong việc dạy thêm học thêm ngoài nhà trường.

Thống kê

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Hoạt động giáo dục của nhà trường đều thực hiện theo đúng chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT ban hành. Các nhiệm vụ chủ yếu của năm học được thông qua tại Hội nghị Cán bộ công chức hằng năm để bàn bạc, tìm ra các giải pháp thực hiện tốt nhất và đề ra các biện pháp

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục minh chứng theo phân công chuyên môn của Phó Hiệu trưởng và sổ đầu bài (lưu tại phân công chuyên môn của Phó Hiệu trưởng và Phòng văn thư nhà trường). [H5-5.1-01]. [H5-5.1-02].

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; minh chứng qua các tiết dự giờ thanh tra nội bộ, dạy tốt, thao giảng, hội nghị chuyên đề, giáo án của giáo viên, kế hoạch giáo dục của giáo viên (lưu tại phòng của Tổ chuyên môn, phòng văn thư) [H5-5.1-03]. [H5-5.1-04].

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả, minh chứng qua các đề kiểm tra GK1, CK1, GK2, CK2, các đề thi học sinh giỏi cấp trường các khối 10, 11, 12 (lưu ở phòng P.HT, tổ CM). [H5-5.1-05].

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh; minh chứng qua sổ đầu bài, các tiết dự giờ thanh tra nội bộ, dạy tốt, thao giảng, hội nghị chuyên đề, giáo án của giáo viên, kế hoạch giáo dục của giáo viên (lưu tại phòng P.HT, phòng văn thư). [H5-5.1-03]. [H5-5.1-04]

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, minh chứng qua công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. [H5-5.1-06].

Mức 3

Từng năm học, nhà trường có kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời về thực hiện kế hoạch thời gian năm học cũng như kế hoạch giảng dạy và học tập căn cứ vào: sổ đầu bài, kế hoạch dạy học của giáo viên; đối chiếu với phân phối chương trình, các thời điểm đặc thù của mỗi hoạt động giáo dục; từ đó có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đúng tiến độ thực hiện chương trình từng môn, đúng nội dung đã quy định của chương trình về yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ, hiệu quả của cải tiến và hoàn thiện các phương pháp dạy học; đảm bảo nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H5-5.1-07].

Trong mỗi đợt thi đua, mỗi học kỳ đều sơ kết đánh giá để rút kinh nghiệm. Trong những năm học qua, nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT. Các hoạt động giáo dục khác đều có kế hoạch chỉ đạo chung và kế hoạch cụ thể đối với từng mặt hoạt động. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và cải tiến biện pháp thực hiện đối với những hoạt động còn hạn chế [H5-5.1-08].

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch làm việc kịp thời, hiệu quả

3. Điểm yếu

Việc đổi mới áp dụng CNTT ở một vài giáo viên chưa thật tích cực, còn chậm. Một số học sinh ý thức học tập chưa cao, việc chủ động trong lĩnh hội kiến thức còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, thường xuyên kiểm tra giáo viên thực hiện công tác giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trên cơ sở tuyển sinh vào lớp 10 hằng năm, nhà trường luôn bám sát các đối tượng học sinh. Do đó ngay từ đầu năm, nhà trường tiến hành điều tra hoàn cảnh học sinh, tiếp nhận hồ sơ trẻ khuyết tật từ THCS và tiến hành đánh giá học sinh thông qua hồ sơ tuyển sinh, nắm bắt hoàn cảnh khó khăn trong học tập, phát hiện học sinh có năng khiếu hay tình trạng cụ thể của các em trong học tập và rèn luyện. Từ đó có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-01], [H5-5.2-02].

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện **[H5-5.2-03]**.

c) Hàng năm rà soát hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện **H5-5.2-03]**.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục

Thể hiện học sinh nghèo vượt khó hàng năm đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến được nhận thưởng **H5-5.2-03]**.

Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, minh chứng qua công tác bồi dưỡng học sinh giỏi **H5-5.2-03]**.

Mức 3

Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu được nhà trường đặc biệt quan tâm và trở thành một trong những phong trào thi đua sôi nổi nhất trong các phong trào thi đua của toàn trường, hàng năm các học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu về các bộ môn thể thao tham gia các Hội thi và đạt kết quả cao trong các kỳ thi **[H5-5.1-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm và có kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

3. Điểm yếu

Việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu nghệ thuật chưa được phát huy hết năng lực của các em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, và phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về thể thao, nghệ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch năm học có nội dung giáo dục địa phương **[H5-5.3-01]**.

b) Các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả: Hàng năm đều có Báo cáo của nhà trường có nội dung kiểm tra đánh giá giáo dục địa phương **[H5-5.3-02]** (lưu tại phòng Văn thư nhà trường).

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương: hằng năm đều có biên bản sơ, tổng kết năm học có nội dung rà soát giáo dục địa phương [H5-5.3-03].

Mức 2

Tổ chức thực hiện đầy đủ việc dạy học môn Giáo dục địa phương, giảng dạy lồng ghép vào bộ môn lịch sử địa phương, giáo dục công dân, hoạt động ngoài giờ lên lớp [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Hoạt động giáo dục địa phương được triển khai thực hiện, đánh giá duy trì ổn định và đạt những mục tiêu đề ra.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức cho tất cả học sinh về hoạt động tham quan thực tế khi thực hiện các nội dung giáo dục địa phương gặp nhiều khó khăn, do thời gian và điều kiện của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, thường xuyên kiểm tra giáo viên thực hiện công tác giáo dục địa phương

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ vào Kế hoạch hằng năm của nhà trường, bộ phận chuyên môn đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, kế hoạch dạy GDHN, kế hoạch dạy trải nghiệm, hướng nghiệp và kế hoạch tổ chức các hoạt động TN-HN theo từng năm học, gắn liền với các chủ đề trong năm học và các hướng dẫn của Sở GD&ĐT. [H5-5.4-01]. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn, Đoàn TN, GVCN. GV dạy NGLL, GDHN xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm, cụ thể, phù hợp với tình hình của địa phương và đơn vị. [H5-5.4-02].

b) Căn cứ vào kế hoạch xây dựng hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn, Đoàn TN, GVCN, GV bộ môn, GV dạy NGLL, GV dạy GDHN tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo kế hoạch đã xây dựng. Đặc biệt chú trọng các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các môn học như giáo dục Steam, phối hợp với các đơn vị khác như huyện đoàn, tỉnh đoàn, các trường Đại học, cao đẳng tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh, tổ chức dã ngoại về nguồn, ... [H5-5.4-03].

c) Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ và hướng nghiệp, nhà trường có xây dựng kế hoạch cho từng hoạt động, từng tháng, phân công cụ thể giáo viên tham gia quản lý, giảng dạy và tổ chức các hoạt động [H5-5.4-04].

Mức 2

a) Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, đối với HS khối 12 nhà trường còn phối hợp với Sở GD&ĐT, các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho các em. Các ngành nghề mà nhà trường hướng nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và xu hướng phát triển của xã hội [H5-5.4-03].

b) Sau mỗi học kỳ của năm học, trường có rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đề ra giải pháp cho học kỳ và năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn [H5-5.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đúng quy định; học sinh tham gia khá đầy đủ, tích cực; giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn có tinh thần trách nhiệm trong tham gia các hoạt động.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh chưa tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do nhà trường tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn liền với các môn học, mỗi môn học lồng ghép giáo dục steam, tổ chức các hoạt động trải nghiệm để tìm tòi phát hiện kiến thức vào thực tiễn. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm tập thể như tham quan Trung tâm Khám phá khoa học ở Quy Nhơn, Bình Định (có Nhà mô hình vũ trụ, Trạm quan sát thiên văn phổ thông, Bảo tàng khoa học được phân chia thành các tiểu khu khám phá: vật lý, toán học, khoa học sự sống, hóa học, thiên văn học...), Tổ chức dã ngoại về nguồn (tham quan di tích đoàn tàu không số ở thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ, ...). Hiệu trưởng phân Đoàn TN, GVCN, GV bộ môn, GV dạy NGLL, GDHN, TN-HN tham gia tổ chức các hoạt động và có nhiều hình thức động viên, khuyến khích các em tích cực tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương; Nhà trường có

các kế hoạch, quyết định chỉ đạo giáo dục hình thành kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.5-01].

Có kế hoạch liên ngành của Hiệu trưởng và Công an thị xã Hoài Nhơn [H5-5.5-02].

Có kế hoạch giáo dục kỷ luật tích cực hằng năm [H5-5.5-03].

Có giao ước thi đua Trường THPT Nguyễn Du đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” [H5-5.5-04].

Có quyết định thành lập mô hình “ Tuổi trẻ học đường nói không với vi phạm pháp luật” [H5-5.5-05].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục; Kết quả đạo đức lối sống học sinh tốt tăng lên hằng năm, không có học sinh rèn luyện trong hè và vi phạm pháp luật. [H5-5.5-06].

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H5-5.5-07].

Kết quả đạo đức lối sống học sinh tham gia sinh hoạt hè tại địa phương được đánh giá tốt, không có học sinh vi phạm pháp luật phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam (Phiếu sinh hoạt hè lưu tại phòng đoàn trường).

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện; Có quy chế thi đua trong nhà trường để học sinh tự theo dõi đánh giá kết quả học tập rèn luyện [H5-5.5-06].

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Kết quả đạo đức lối sống học sinh tham gia sinh hoạt hè tại địa phương được đánh giá tốt, không có học sinh vi phạm pháp luật phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam (Phiếu sinh hoạt hè lưu tại phòng đoàn trường) [H5-5.5-07].

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo giáo viên hướng dẫn. Có các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Không có học sinh vi phạm pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch và có chuyển biến tích cực trong những năm gần đây tính đến thời điểm đánh giá.

Học sinh vận dụng các kiến thức vào đời sống qua các đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh trong giao tiếp, ứng xử đang còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục rèn luyện đạo đức lối sống tích cực cho học sinh. Khuyến khích tạo điều kiện để học sinh phát huy kỹ năng vào thực tiễn hiệu quả cho từng địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường

Năm học	SL	Học lực (Học tập)									
		Giỏi		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (CĐ)		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2019-2020	1505	303	20.13%	749	49.77%	453	30.10%	0	0.00%	0	0.00%
2020-2021	1569	622	39.64%	791	50.41%	155	9.88%	1	0.06%	0	0.00%
2021-2022	1629	651	39.96%	754	46.29%	224	13.75%	0	0.00%	0	0.00%
2022-2023	1720	495	28.78%	827	48.08%	388	22.56%	10	0.58%	0	0.00%
2023-2024	1679	550	32.76%	821	48.90%	307	18.28%	1	0.06%	0	0.00%

Năm học	SL	Hạnh kiểm (Rèn luyện)							
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2019-2020	1505	1272	84.52%	226	15.02%	7	0.46%	0	0.00%
2020-2021	1569	1393	88.78%	166	10.58%	10	0.64%	0	0.00%
2021-2022	1629	1486	91.22%	131	8.04%	12	0.74%	0	0.00%
2022-2023	1720	1500	87.21%	195	11.34%	25	1.45%	0	0.00%
2023-2024	1679	1403	83.56%	262	15.60%	14	0.84%	0	0.00%

Nhà trường có các kế hoạch, các báo cáo tổng kết và kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, có các KH, các báo cáo tổng kết của Lãnh đạo nhà trường [H5-5.6-01].

Nhà trường có kết quả tổng hợp đánh giá, xếp loại học lực, xếp loại Hạnh kiểm học sinh các năm.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Nhà trường có tổng hợp kết quả lên lớp hằng năm, kết quả Tốt nghiệp THPT hằng năm, tổng hợp số liệu HS bỏ học và lưu ban hằng năm [H5-5.6-02].

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại khá về hạnh kiểm, thống kê tỷ lệ xếp loại khá về học lực - Danh sách HSTT hằng năm [H5-5.6-03].

Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại Giỏi về học lực - Danh sách giỏi hằng năm [H5-5.6-03].

Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp kết quả đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG các cấp hằng năm [H5-5.6-04].

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá; thông qua các minh chứng ở mục 1

Nhà trường có các kế hoạch, các báo cáo tổng kết và kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, các báo cáo tổng kết của Lãnh đạo nhà

trường [H5-5.6-01].

b) Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, bồi dưỡng nên nhiều năm qua tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-01].

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh

Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại Giỏi về học lực - Danh sách HS giỏi hằng năm [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-03].

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt chỉ tiêu đề ra thông qua các minh chứng.

Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại Khá về học lực (học tập) - Danh sách HS tiên tiến hằng năm [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-03].

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt chỉ tiêu đề ra thông qua các minh chứng nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại khá về hạnh kiểm (rèn luyện) [H5-5.6-01], [H5-5.6-02].

Nhà trường có thống kê tỷ lệ xếp loại Tốt, khá về hạnh kiểm (rèn luyện) - Danh sách hằng năm [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-03].

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém của trường không quá 05% thông qua minh chứng nhà trường có tổng hợp kết quả lên lớp hằng năm.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Tỷ lệ học sinh bỏ học bình quân của trường 1,28%. Tỷ lệ học sinh lưu ban bình quân của trường 0,22% thông qua minh chứng nhà trường tổng hợp kết quả Tốt nghiệp THPT hằng năm. Tổng hợp số liệu HS bỏ học và lưu ban hằng năm [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch và có chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch và có chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch và có chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt ít nhất 20%

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt ít nhất 8%

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém của trường không quá 05%

Tỷ lệ học sinh lưu ban: 0,22%

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh giỏi về học lực (học tập) chưa ổn định từ khi dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

Tỷ lệ học sinh bỏ học: 1,28%

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nên xem xét và xây dựng lại nghị quyết đầu năm học tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập (học lực), giúp ổn định tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

* Ưu điểm nổi bật:

Lãnh đạo nhà trường đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch chỉ đạo hoạt động chuyên môn với những chỉ tiêu và giải pháp thích hợp; tổ chức thực hiện đúng kế hoạch thời gian, đồng

bộ, hiệu quả. Dạy đủ các môn học, dạy đúng chương trình, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình môn học; Giáo viên lựa chọn các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh; chú trọng giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh. Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi. Số lượng học sinh xếp loại khá giỏi đạt chuẩn quy định.

Chất lượng dạy học và hiệu quả đào tạo của nhà trường luôn đạt chuẩn quy định. Tỷ lệ học sinh lên lớp khá cao, tỷ lệ tốt nghiệp luôn đạt cao và ổn định hằng năm; Học sinh bỏ học và lưu ban giảm nhiều. 100% học sinh tham gia học nghề phổ thông và đạt kết quả khá tốt.

Tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức phong phú nhằm tạo ra sân chơi thích hợp và thực hiện giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ, hoạt động thể dục thể thao sôi nổi.

*** Nhược điểm cơ bản:**

Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm nhiều trong giảng dạy và tích lũy chuyên môn; việc giảng dạy của một số giáo viên chỉ dừng lại mức truyền thụ kiến thức, chưa tổ chức luyện tập, phân tích, khai thác kiến thức nâng cao cho học sinh giỏi và giúp đỡ học sinh yếu kém.

Sự phối hợp giữa các tổ chức, ban, ngành, đoàn thể trong công tác phổ cập giáo dục chưa được bền vững. Một số học sinh sau khi tốt nghiệp THCS hoặc bỏ học giữa chừng đã đi làm ăn xa nên rất khó khăn cho công tác điều tra cơ bản.

Một số học sinh có học lực yếu kém nhưng không có tinh thần vươn lên, vẫn còn học sinh vi phạm luật an toàn giao thông, vi phạm nội quy nhà trường.

Sân chơi, bãi tập chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và tập luyện cho học sinh.

Thông kê

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 6/6

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 6/6

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 3/4

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1 (Khoản 1, Điều 22): Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện đảm bảo theo chương trình giáo dục của Bộ GDĐT, chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện đảm bảo theo chương trình giáo dục của Bộ GDĐT.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch tham mưu với các cấp lãnh đạo tạo điều kiện để được tham khảo những nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2 (Khoản 2, Điều 22): Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Số HS khó khăn, HS có năng khiếu của nhà trường hằng năm đều được các tổ chức, cá nhân và nhà trường quan tâm đúng mức, đảm bảo hoàn thành mục tiêu giáo dục cho từng cá nhân. [H1-1.3-11], [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh

Số HS khó khăn của nhà trường hằng năm đều được các tổ chức, cá nhân và nhà trường quan tâm đúng mức, đã kịp thời động viên về tinh thần, hỗ trợ về vật chất để vượt qua hoàn cảnh đến trường học tốt. HS có năng khiếu được tuyển chọn, bồi dưỡng để phát huy thế mạnh của mình và đóng góp cho thành tích của nhà trường. Nhìn chung nhà trường đảm bảo hoàn thành mục tiêu giáo dục cho từng cá nhân.

3. Điểm yếu

Chưa vận động nhiều nguồn lực quan tâm đến số HS khó khăn, HS có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường huy động nhiều nguồn lực hơn nữa để quan tâm nhiều hơn đến HS khó khăn, HS có năng khiếu trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3 (Khoản 3, Điều 22): Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận

1. Mô tả hiện trạng

Trường THPT Nguyễn Du hằng năm đều có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn và được các cấp thẩm quyền công nhận.

2. Điểm mạnh

Có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn và được các cấp thẩm quyền công nhận.

3. Điểm yếu

Các đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn còn ít và chưa đều ở các lĩnh vực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường cần có biện pháp khích lệ, khen thưởng đúng thời điểm nhằm khuyến khích GV và HS đầu tư vào các lĩnh vực mà trước đây chưa có trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4 (Khoản 4, Điều 22): Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thông và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện được trang bị một số máy vi tính có kết nối Internet, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thông và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Thư viện được trang bị một số máy vi tính có kết nối Internet, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thông và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện nhà trường được Sở GD&ĐT công nhận là Thư viện đạt Mức 2 (theo Thông tư 16).

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tăng cường tham mưu với các cấp lãnh đạo tạo điều kiện về nguồn kinh phí xây dựng thư viện trường đúng tiêu chuẩn, có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5 (Khoản 5, Điều 22): Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhờ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Đảng bộ, Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn đưa vào Nghị quyết về định hướng phát triển Kinh tế xã hội của địa phương, của ngành. [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường hoàn thành cơ bản các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chỉ đạt ở mức hoàn thành, chưa nổi trội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo quan tâm hơn nữa để mục tiêu trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo đạt kết quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6 (Khoản 6, Điều 22): Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế tương đồng được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 chất lượng đội ngũ nhà trường ngày càng được nâng cao, nhiều GV đạt danh hiệu GVDG, GVCNG cấp trường, cấp tỉnh; nhiều GV tham gia hướng dẫn học sinh tham gia thi NC-KHKT cấp trường đạt giải, tham gia thi cấp tỉnh; nhiều giáo viên tham gia viết sáng kiến đạt giải có phạm vi ảnh hưởng trong ngành giáo dục tỉnh, nhiều giáo viên được danh hiệu CSTĐ cơ sở, nhiều giáo viên được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen của LĐLĐ tỉnh. Trong 5 năm nhà trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể lao động Tiên tiến”. Chất lượng giáo dục nhà trường cũng được nâng cao đáng kể về mũi nhọn, VH-VN-TDĐT và chất lượng đại trà. Trong 5 năm nhà trường có 01 năm học sinh 12 đỗ tốt nghiệp 100%, 04 năm trên mặt bằng của tỉnh; các hoạt động khác của nhà trường như thi HSG các cấp, HS đạt giải về VH-VN-TDĐT kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chất lượng đại trà đạt vượt mức chỉ tiêu đề ra. [H1-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Kết quả hai mặt giáo dục, bồi dưỡng học sinh giỏi và thi tốt nghiệp THPT nhiều năm liên đều đạt ở mức cao của thị xã, tỉnh (có 04 năm 2020, 2021, 2022 đạt tốt nghiệp THPT trên mặt bằng tỉnh, năm 2023 đạt 100%), hơn 70% học sinh 12 đỗ Đại học, nhiều em đậu vào các trường top đầu trong cả nước. Thành tích của nhà trường được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận, là niềm tin tưởng và tự hào của người dân thị xã Hoài Nhơn và đông đảo các thế hệ cựu học sinh nhà trường.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ tốt nghiệp THPT hằng năm mặc dù cao hơn mặt bằng tỉnh, nhưng tỉ lệ 100% chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường quan tâm nhiều hơn nữa đến công tác nâng cao chất lượng giảng dạy nhằm đạt tỉ lệ tốt nghiệp THPT hằng năm đạt 100%.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

Điểm mạnh nổi bật:

So với các trường có điều kiện kinh tế tương đồng, nhà trường có ít nhất 03 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội.

Hằng năm vẫn có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Số HS khó khăn, HS có năng khiếu của nhà trường hằng năm đều được các tổ chức, cá nhân và nhà trường quan tâm đúng mức, đảm bảo hoàn thành mục tiêu giáo dục cho từng cá nhân.

Điểm yếu:



Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/06

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Đánh giá chung:

Trường THPT Nguyễn Du trong quá trình xây dựng và phát triển đã đảm bảo về tổ chức và quản lý nhà trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo về tiêu chuẩn trình độ, có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt. Học sinh chăm ngoan có nhiều đóng góp về thành tích cho nhà trường. Cơ sở vật chất và thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày càng gắn kết và có sự phối hợp tốt để giáo dục học sinh. Các hoạt động giáo dục được triển khai và thực hiện tốt, có hiệu quả cao. Kết quả giáo dục được khẳng định ở chất lượng học sinh khá, giỏi ngày càng nhiều và đầu ra 05 năm liền vượt mặt bằng của tỉnh.

Qua việc tự đánh giá chất lượng, nhà trường thấy được những ưu điểm và nhược điểm của cơ sở giáo dục về mọi mặt để từ đó kịp thời khắc phục những điểm yếu, tích cực phát huy hơn nữa thế mạnh nhằm góp phần phát triển toàn diện về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất đáp ứng với yêu cầu đổi mới hiện nay.

2. Thống kê

- + Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.
- + Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.
- + Số lượng tiêu chí đạt 3: 18/20 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 90%.
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- + Số lượng tiêu chí đạt: 04, chiếm tỉ lệ 66,67%.
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 02, chiếm tỉ lệ 33,33%.
- **Mức đánh giá của cơ sở giáo dục:** Đạt Mức 2.

3. Kết luận:

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá các tiêu chí của nhà trường và Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT Nguyễn Du đảm bảo các Tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định. Kính đề nghị Giám đốc Sở GD&ĐT Bình Định xem xét:

- Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2**.
- Đề nghị UBND tỉnh Bình Định công nhận Trường đạt Chuẩn quốc gia **Mức độ 1**.



Hoàn Nhon, ngày 22 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Le Thanh Nhon

